

Số/No.: 34 /CV - CTĐH

Bến Tre, ngày 07 tháng 04 năm 2025  
Bentre, April 07<sup>th</sup>, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities  
Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock  
Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE/  
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BEN TRE
  - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: DHC
  - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Lô AIII, KCN Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành,  
tỉnh Bến Tre, Việt Nam/ Lot AIII, Giao Long Industrial Zone, An Phuoc Ward, Chau Thanh  
District, Ben Tre Province, Viet Nam.
  - Điện thoại/ *Telephone*: 0275.3635739
  - Fax: 0275.3635222
  - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: ông Lê Bá Phương/ Mr Le Ba Phuong  
Chức vụ/ *Position*: Tổng giám đốc/ General Director
- Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu  
*Information disclosure type*: ☒ Periodic ☐ Irregular ☐ 24 hours ☐ On demand

Nội dung thông tin công bố (\*)/ *Content of Information disclosure (\*)*:

Báo cáo thường niên năm 2024. / *Annual Report for the year 2024.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 07/04/2025  
tại đường dẫn : [www.dohacobentre.com.vn](http://www.dohacobentre.com.vn)

*This information was disclosed on Company/Fund's Potral on date 07/04/2025 Available at:  
www.dohacobentre.com.vn*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước  
pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally  
responsible for any misrepresentation.*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
LEGAL REPRESENTATIVE  
TỔNG GIÁM ĐỐC/ GENERAL DIRECTOR

Tài liệu đính kèm/Attachment:  
- BC thường niên năm 2024/  
*Annual Report for the year 2024*



Lê Bá Phương



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**  
**DONGHAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE**  
**MÃ CHỨNG KHOÁN: DHC**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024**



*“Hãy hành động vì cuộc sống tốt đẹp hơn”*



# MỤC LỤC

01

## THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Rủi ro trong quá trình hoạt động

02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

04

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán



# CHƯƠNG 1

## Thông tin chung

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Rủi ro trong quá trình hoạt động



GIAOLONG PAPER



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Thông tin Công ty

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- Tên quốc tế: DONGHAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE
- Tên viết tắt: DOHACO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2003 và điều chỉnh lần thứ 20 ngày 10 tháng 01 năm 2023.
- Vốn điều lệ: 804.930.480.000 đồng tại ngày 31/12/2024.
- Mã cổ phiếu: DHC

### Thông tin liên hệ

- Địa chỉ: Lô AIII, khu công nghiệp Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam.
- Số điện thoại: (0275) 3611 666
- Số fax: (0275) 3635 222 - (0275) 3611 222
- Website: [www.dohacobentre.com.vn](http://www.dohacobentre.com.vn)
- Email: [donghai@dohacobentre.com](mailto:donghai@dohacobentre.com)





# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

## Các mốc thời gian

### 1994

Tháng 07/1994, Nhà máy Bao Bì được thành lập là doanh nghiệp nhà nước thuộc Ngành thủy sản tỉnh Bến Tre.

### 2003

Tháng 2/4/2003, Chính thức chuyển đổi sang Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre theo quyết định số 4278/QĐ-UB của UBND Tỉnh Bến Tre ngày 25/12/2002 dưới hình thức cổ phần hóa.

### 2007

Tháng 12/2007, Khởi công xây dựng Nhà máy Giấy Giao Long giai đoạn I Châu Thành – Bến Tre, kinh phí đầu tư là 165.000.000.000 VND.

### 2008

Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre chính thức trở thành công ty đại chúng theo thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### 2009

Ngày 23/07/2009, Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) với mã chứng khoán DHC.

### 2011

Tháng 01/2011, Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre tổ chức khánh thành nhà máy giấy Giao Long giai đoạn I và Nhà Máy Bao Bì số 2.

### 2015

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức chuyển trụ sở chính của Công ty về địa chỉ: Lô AIII KCN Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

### 2016

Công ty triển khai thực hiện Dự án nhà máy giấy Giao Long giai đoạn 2 với công suất 660 tấn/ ngày.

### 2020

Thành lập Công ty con Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre với tổng vốn đầu tư 150 tỷ đồng.

### 2022

Tháng 04/2022: Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre đi vào hoạt động chính thức.

Tháng 06/2022: Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Giấy Giao Long. Tổng vốn đầu tư của dự án 1.800 tỷ đồng.

### 2023

Ngày 17/7/2023, Dự án Điện Mặt Trời được khởi công tại Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre.

Công ty góp vốn thêm 30 tỷ cho Công ty TNHH MTV Bến Tre, nâng tổng vốn điều lệ công ty này lên 180 tỷ.

### 2024

Tháng 05/2024 đã mua cổ phần góp vốn vào Công ty Cổ phần Giấy Giao Long để nâng vốn điều lệ của Công ty này lên 360 tỷ đồng.



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

### Các thành tích tiêu biểu



- Cúp vàng Sản phẩm thương hiệu Việt hội nhập WTO
- Cúp vàng thương hiệu hàng đầu Việt Nam - Tạp chí Thương hiệu Việt



Các giấy chứng nhận thương hiệu Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre



- Cúp vàng Thương hiệu - Sản phẩm - Uy tín - Chất lượng – 2008
- Giấy chứng nhận Sản phẩm thương hiệu Việt hội nhập WTO
- Giấy Chứng nhận top 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam – 2008
- Các giấy chứng nhận thương hiệu Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre
- Giấy chứng nhận Thương hiệu uy tín chất lượng – 2009
- Chứng nhận Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam - 2009
- Thương hiệu quốc gia Việt Nam 2022
- Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022
- Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2023
- Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2024
- Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2024



# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa.
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa.
- In ấn.
- Dịch vụ liên quan đến in.

Và các ngành nghề kinh doanh khác Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300358260 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 02/04/2003 và cấp lại lần thứ 20 ngày 10 tháng 01 năm 2023.



## Địa bàn kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh chính ở khu vực Miền Nam, đặc biệt là hai vùng kinh tế trọng điểm lớn của cả nước là Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Đây là khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, tập trung nhiều ngành nghề sản xuất và chế biến dẫn đến nhu cầu cao về giấy và bao bì.



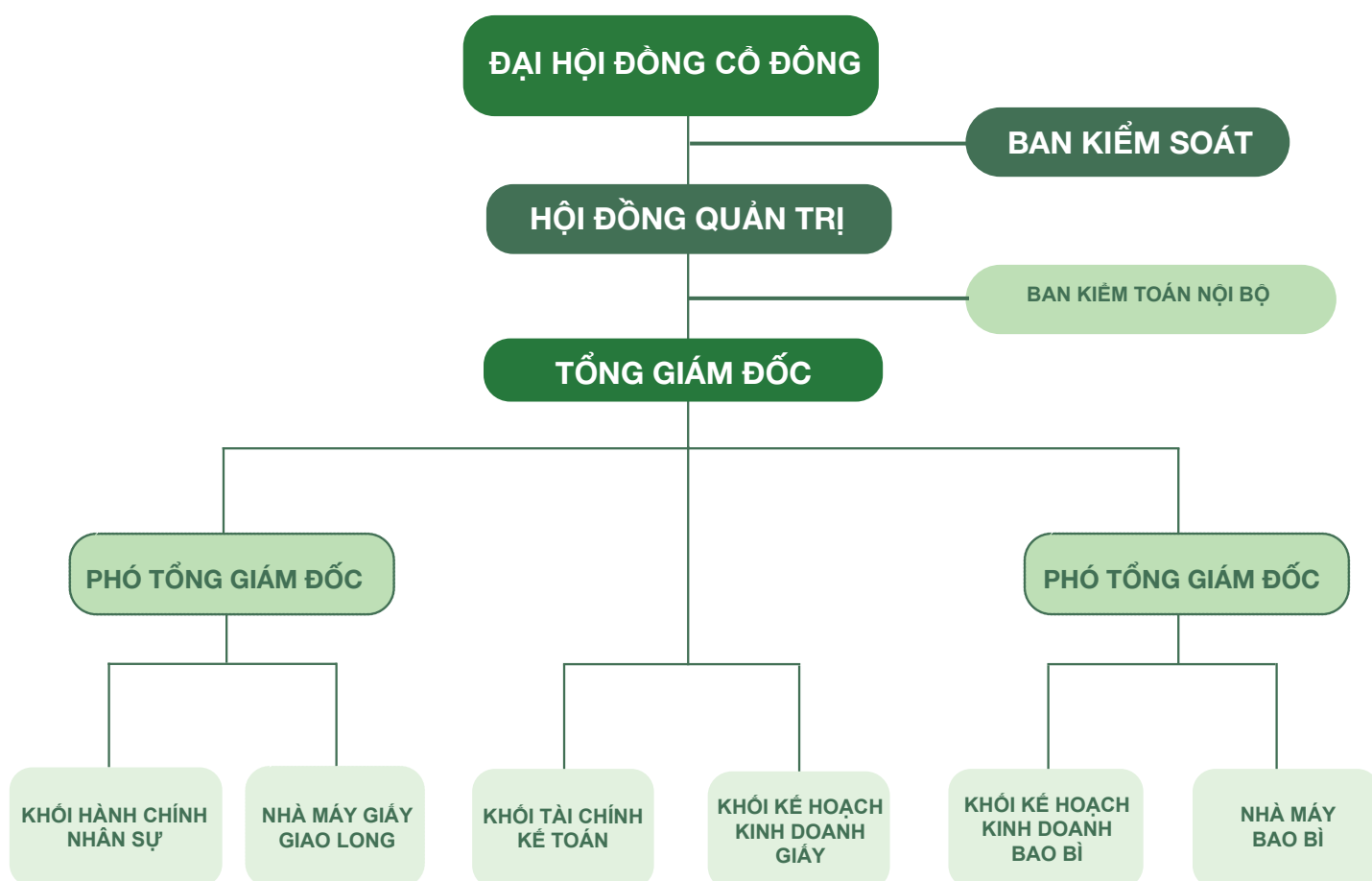
# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## Cơ cấu bộ máy quản trị

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020, DHC lựa chọn mô hình tổ chức:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng Giám đốc

## Sơ đồ bộ máy quản lý





# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

## Công ty con, Công ty liên kết

| STT                         | Tên công ty                        | Vốn điều lệ (đồng) | Ngành nghề kinh doanh                         | Tỷ lệ sở hữu |
|-----------------------------|------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------|--------------|
| <b>I. Công ty con</b>       |                                    |                    |                                               |              |
| 1                           | Công ty TNHH MTV Bao bì Bến Tre    | 180.000.000.000    | Sản xuất và kinh doanh bao bì Carton          | 100,00%      |
| 2                           | Công ty Cổ phần Giấy Giao Long     | 360.000.000.000    | Sản xuất, kinh doanh giấy công nghiệp         | 99,42%       |
| <b>II. Công ty liên kết</b> |                                    |                    |                                               |              |
| 1                           | Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long | 10.000.000.000     | Cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển | 26%          |





## Tầm nhìn



Việc hạn chế rác thải nhựa, hạn chế sử dụng túi nilon và gia tăng khuyến khích sử dụng bao bì giấy thay thế đang có dấu hiệu phát triển sâu rộng và mạnh tại Việt Nam. Những ưu điểm vượt trội của bao bì giấy so với bao bì nhựa đã khiến mặt hàng này dần trở nên phổ biến tại các nước trên thế giới. Với mong muốn vừa phát triển một dòng sản phẩm có xu hướng phát triển mang lại hiệu quả, vừa duy trì môi trường sống xung quanh và bảo vệ môi trường, Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre đã quyết định đầu tư và tập trung sản xuất kinh doanh 02 dòng sản phẩm chính là giấy công nghiệp và bao bì carton. Đặc biệt, giấy công nghiệp GIAO LONG PAPER là dòng sản phẩm chủ lực, có mặt trên thị trường từ năm 2011 đến nay, ngày càng được các khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao và tin dùng.

Quảng bá và xây dựng thương hiệu giấy **GIAO LONG** thân thiện với môi trường, đáp ứng xu hướng tiêu dùng và góp phần củng cố nền tảng phát triển của Công ty.

Với lý tưởng đó, Đông Hải không ngừng nỗ lực, cống hiến cho sự đổi mới và chia sẻ giá trị đến các đối tác cùng đội ngũ nhân viên của mình. Chúng tôi luôn sẵn sàng và chào đón mọi cơ hội, thử thách trên hành trình thực hiện lý tưởng của mình.



## Sứ mệnh

*“Hãy hành động vì cuộc sống tốt đẹp hơn”*

Thể hiện sự khát khao phát triển lớn mạnh của Công ty Đông Hải dựa trên nền tảng môi trường sống của cộng đồng dân cư xung quanh nói riêng và cả đất nước Việt Nam nói chung, với xu hướng hiện tại của thế giới, các sản phẩm giấy thân thiện với môi trường đang dần được thay thế các sản phẩm từ nhựa gây ô nhiễm nghiêm trọng cho môi trường, góp phần thay đổi nhận thức của con người trong công cuộc bảo vệ môi trường xanh. Đây là lời kêu gọi toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre hãy suy nghĩ và nhận thức nâng cao tinh thần trách nhiệm và có hành động thiết thực trong công việc hàng ngày của mình, kể cả ý thức và trách nhiệm trong việc ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường.



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

### Giá trị cốt lõi

Giá trị cốt lõi chính là giá trị quan trọng nhất, là linh hồn của Công ty. Khác với các giá trị theo nghĩa thông thường, giá trị cốt lõi của Công ty hướng đến chiều sâu, tính bền vững và lâu dài. Ở Đông Hải, chúng tôi sẵn sàng thể hiện và cho mọi người thấy rõ giá trị cốt lõi của Công ty: **“Tôn trọng - Công bằng - Cam kết - An toàn - Đạo đức - Tuân thủ”**. Đông Hải luôn hoạt động để đạt được giá trị quan trọng nhất mà Công ty đã đề ra.



*“Tôn trọng - Công bằng - Cam kết - An toàn - Đạo đức - Tuân thủ”*

### Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Công ty hoạt động trên tinh thần **“DOHACO cam kết mang đến lợi ích tối đa cho khách hàng”** với mục tiêu chủ yếu **“Phát triển thành doanh nghiệp vững mạnh, lấy 02 dòng sản phẩm giấy công nghiệp - bao bì carton làm trọng tâm phát triển”**. Công ty cũng tích cực tìm kiếm đối tác mới để mở rộng thị trường và gia tăng thị phần trong mảng giấy công nghiệp.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (DHC) là một trong những doanh nghiệp sản xuất giấy hàng đầu tại Việt Nam. Với bề dày kinh nghiệm hơn 20 năm hoạt động, DHC đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường và là một trong những doanh nghiệp có đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành giấy Việt Nam.

Trong giai đoạn 2024-2030, DHC đặt ra mục tiêu phát triển bền vững, trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất giấy hàng đầu khu vực, với các mục tiêu cụ thể như sau:

- Trong dài hạn, mục tiêu chính của Công ty là cải tiến công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, từ đó có thể hạ giá thành, tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp so với các doanh nghiệp cùng ngành.
- Công ty cũng chú trọng nghiên cứu phát triển sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường, đáp ứng xu hướng tiêu dùng và góp phần phát triển giá trị cốt lõi của Công ty.
- Tập trung mở rộng, phát triển thị trường nội địa, quảng bá và xây dựng thương hiệu giấy GIAO LONG nhằm tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm trước các đối thủ trong và ngoài nước. Công ty cũng chú trọng tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sang các nước trong khu vực.
- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao tay nghề cho công nhân, phát triển các kỹ năng quản lý.



### Các mục tiêu phát triển bền vững

Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty luôn xác định rằng phát triển bền vững là mục tiêu quan trọng hàng đầu. Trong đó, vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng là một trong những trọng tâm được Công ty đặc biệt quan tâm và có những hành động thiết thực.

Đặc thù là doanh nghiệp sản xuất giấy, bao bì, Công ty luôn ý thức được rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dù lớn hay nhỏ đều có những tác động nhất định đến môi trường xung quanh. Do đó, Công ty luôn coi trọng vấn đề bảo vệ môi trường, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của doanh nghiệp. Để giảm thiểu tác động đến môi trường, Công ty đã tập trung đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải. Hệ thống xử lý nước thải của DHC được thiết kế và vận hành theo tiêu chuẩn quốc gia, đảm bảo xử lý triệt để các chất ô nhiễm trong nước thải, đạt tiêu chuẩn xả thải.

Ngoài ra, DHC luôn quan tâm đến đời sống, sức khỏe và tinh thần của công nhân viên, chú trọng tổ chức các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết của người lao động. Với mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống cho công nhân viên, công ty đã xây dựng và hoàn thành nhiều chính sách xã hội, lương, thưởng,... dành cho Cán bộ, công nhân viên tại doanh nghiệp.

*“Phát triển bền vững, kiến tạo tương lai xanh”*





# CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

## Rủi ro kinh tế

Theo báo cáo mới nhất của Tổng cục Thống kê về tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2024, đất nước chúng ta vừa chứng kiến một sự tăng trưởng kinh tế tương đối ấn tượng trong năm vừa qua. Cụ thể, chỉ số GDP năm 2024 đã đạt mức tăng trưởng 7,09% so với năm 2023 (vượt mức 6 – 6,5% trong kế hoạch đặt ra vào đầu năm). Trong đó, nhóm ngành nông sản tăng 2,94% và thủy sản tăng 4,03%. Bản chất ngành sản xuất giấy vốn là một ngành phụ trợ cho các nhóm ngành sản xuất, nên việc nhóm ngành này có sự tăng trưởng trong năm là một dấu hiệu tích cực cho phía Công ty. Cũng trong năm nay, cả tỷ lệ lạm phát và lãi suất trong Việt Nam luôn được giữ ổn định nhờ sự điều tiết các chính sách tiền tệ hợp lý của Ngân hàng Nhà nước (SBV), qua đó tạo ra một môi trường rủi ro thấp để Công ty có thể tận dụng hiệu quả các công cụ tài chính.

Về tình hình vĩ mô toàn cầu, việc FED cắt giảm lãi suất từ mức 5,5% xuống mức 4,5% trong khoảng 4 tháng cuối năm đã khiến cho chỉ số sức mạnh đồng Đô la Mỹ (DXY) tăng vọt, qua đó khiến tỷ giá USD tăng cao, tạo ra thách thức trực tiếp cho Công ty khi gần như toàn bộ lượng nguyên liệu đầu vào chính là OCC (giấy thùng carton cũ) đều cần phải nhập khẩu từ Mỹ và châu Âu. Tỷ giá neo cao cộng với các bất ổn địa chính trị quanh khu vực Biển Đỏ khiến vận tải biển gặp nhiều khó khăn, trực tiếp khiến chi phí vận chuyển và các hoạt động giao thương quốc tế quanh khu vực này tăng vọt.





## CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

### Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre tổ chức hoạt động theo khuôn khổ pháp luật Việt Nam, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định pháp luật liên quan khác. Với mô hình là một công ty cổ phần niêm yết trên sàn HOSE, Công ty đồng thời chịu sự điều chỉnh của các hiệp định thương mại đa phương mà Việt Nam ký kết. Sự thay đổi của các quy định pháp luật có thể ảnh hưởng đến hoạt động cũng như các chiến lược trung và dài hạn của Công ty. Vì vậy, việc thường xuyên theo dõi và cập nhật thông tin pháp luật là cần thiết để Công ty có thể xây dựng các mục tiêu và chiến lược kinh doanh phù hợp, đảm bảo tuân thủ và duy trì hình ảnh doanh nghiệp.



### Rủi ro an toàn lao động

Do đặc thù của ngành sản xuất, phần lớn người lao động phải đảm nhận các công việc đòi hỏi thể lực và làm việc trong môi trường có mật độ bụi cao, tiếng ồn từ máy móc. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của một hệ thống quản lý an toàn lao động hiệu quả để bảo vệ người lao động. Đây luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty.

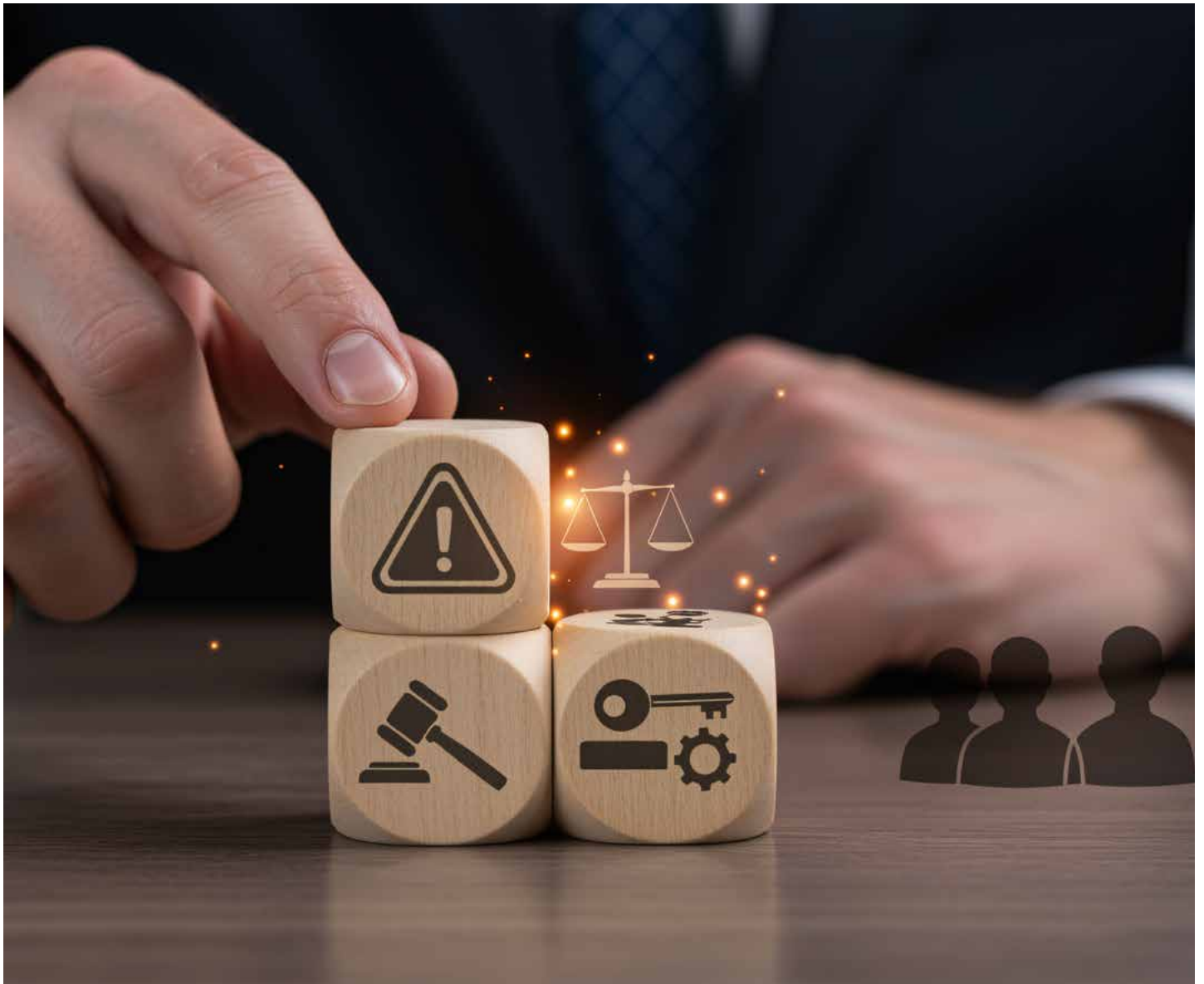
Để cụ thể hóa điều này, Công ty thực hiện kiểm tra định kỳ thiết bị, song song với việc theo dõi hồ sơ sức khỏe của người lao động. Người lao động được trang bị đầy đủ đồ bảo hộ cá nhân khi làm việc nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực đến sức khỏe. Công ty chú trọng hướng dẫn người lao động tự đánh giá rủi ro an toàn lao động và thực hiện khảo sát các yếu tố nguy hiểm tiềm tàng có thể gây tổn thương, bệnh tật và ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động tại nơi làm việc, từ đó nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro an toàn lao động.





### Rủi ro nguyên vật liệu

Rủi ro về đặc thù ngành giấy chủ yếu tập trung ở nguyên liệu đầu vào và quy trình sản xuất. Đầu tiên, về nguyên liệu đầu vào chính trong dây chuyền sản xuất giấy là OCC, các biến động liên tục về giá thành OCC tại các thị trường cung cấp đã tạo nên không ít thách thức, đòi hỏi Công ty cần có sự thận trọng trong các hoạt động quản lý thu mua và tồn kho để đảm bảo hiệu quả kinh doanh đi theo đúng kế hoạch. Tiếp theo, chất lượng của OCC là một yếu tố thiết yếu vì cho dù giấy là vật liệu có thể tái chế và tái sử dụng nhưng số lần có thể tái chế là có giới hạn. Cứ mỗi một lần trải qua quy trình tái chế, các sợi liên kết giữa các bột giấy sẽ yếu dần dẫn đến tình trạng phân tách gây ảnh hưởng với giấy thành phẩm.





## CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

### Rủi ro môi trường

Về quy trình sản xuất giấy tái chế thì giấy thùng cũ cần phải trải qua một loạt các quy trình phân loại, sản xuất, kiểm tra vô cùng phức tạp. Mặt khác, cả ngành sản xuất giấy nói chung và Công ty nói riêng đều đã và đang nhận thức được rõ ràng các tác động lên môi trường mà quy trình sản xuất này đã gây ra và đang dốc toàn lực để cải thiện tình hình. Quy mô sản xuất lớn dẫn đến việc thải lượng lớn khí thải và nước thải ra bên ngoài, gây ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống xung quanh cơ sở sản xuất. Công ty đã thực hiện những cam kết liên quan đến sản xuất xanh và phát triển bền vững thông qua việc vạch ra một quy trình chi tiết về các kế hoạch, phương án, nguồn lực và thực thi “xanh hóa sản xuất”. Công ty đã thành công đưa vào hệ thống xử lý nước thải hiện đại với công suất thiết kế lên đến 4.900m<sup>3</sup>/ngày đêm, giúp xử lý và loại bỏ hầu hết các chất thải.



### Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro được nhắc đến ở trên, thiên tai, lũ lụt hay hỏa hoạn cũng là một trong những rủi ro khó lường có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, đặc thù của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre là một doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất giấy, các vật dụng sản xuất dễ xảy ra cháy nổ, gây thiệt hại lớn cho Công ty. Vì vậy, các doanh nghiệp ngành giấy nói chung và Công ty nói riêng cần tập huấn cán bộ công – nhân viên trong doanh nghiệp các biện pháp phòng cháy nổ, tránh để tổn thất về người và của.



# CHƯƠNG 2

## Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



GIAOLONG PAPER



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu             | Thực hiện 2023      | Kế hoạch 2024     | Thực hiện 2024      | TH2024/<br>KH2024 | TH2024/<br>TH2023 |
|----------------------|---------------------|-------------------|---------------------|-------------------|-------------------|
| Doanh thu thuần      | 3.258.908.541.602   | 3.279.000.000.000 | 3.596.507.144.729   | 109,68%           | 110,36%           |
| Tổng chi phí         | (2.987.103.800.641) | -                 | (3.399.616.339.180) | -                 | 113,81%           |
| Lợi nhuận trước thuế | 358.098.054.289     | -                 | 279.222.800.993     | -                 | 77,97%            |
| Lợi nhuận sau thuế   | 309.338.388.739     | 300.000.000.000   | 242.196.652.212     | 80,73%            | 78,30%            |

Năm 2024, ngành giấy và bao bì Việt Nam chịu nhiều tác động từ bối cảnh kinh tế và địa chính trị toàn cầu. Dù lạm phát toàn cầu được kiểm soát tốt hơn, nhưng những bất ổn như biến động tỷ giá và căng thẳng địa chính trị vẫn ảnh hưởng đến nhu cầu thị trường. Đáng chú ý, xuất khẩu giấy và bao bì sang thị trường Trung Quốc – thị trường nhập khẩu bột giấy lớn nhất thế giới ghi nhận sự suy giảm về cả sản lượng lẫn giá bán. Bên cạnh đó, chi phí sản xuất gia tăng do giá các nguyên liệu đầu vào như giấy tái chế thu hồi được (OCC) leo thang, chủ yếu xuất phát từ tình trạng cạnh tranh nguồn cung và chi phí vận chuyển tăng, làm thu hẹp biên lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành. Tuy nhiên, những ngành tiêu thụ bao bì lớn như nông sản, thủy sản, đặc biệt là dệt may và da giày đã phục hồi mạnh mẽ, đạt kết quả xuất khẩu khả quan và nhờ đó hỗ trợ tích cực cho nhu cầu bao bì trong nước. Mặc dù vậy, một số thị trường xuất khẩu cụ thể vẫn còn nhiều thách thức, đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành phải theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường và chủ động xây dựng chiến lược ứng phó phù hợp.

Năm 2024, Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre đạt doanh thu thuần 3.596,5 tỷ đồng, vượt 9,68% kế hoạch và tăng 10,36% so với năm 2023. Kết quả này được xem là tích cực khi thị trường giấy công nghiệp phải đối mặt với nhiều thách thức như giá nguyên liệu OCC và chi phí điện gia tăng, cùng tình trạng dư cung do các nhà máy mới gia nhập đã gây áp lực lên giá bán giấy và bao bì. Kết quả tích cực này có được nhờ việc duy trì hiệu suất vận hành ổn định tại cả ba nhà máy của Công ty, kết hợp cùng chiến lược mở rộng thị phần trong lĩnh vực bao bì carton, khai thác hiệu quả xu hướng phát triển bền vững và sự dịch chuyển của thị trường từ bao bì nhựa sang bao bì giấy. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty trong năm vừa qua ghi nhận sự suy giảm nhất định, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ áp lực cạnh tranh gay gắt trong ngành giấy, cùng với việc giá nguyên liệu đầu vào (đặc biệt là OCC, chiếm khoảng 70% tổng chi phí sản xuất) tăng mạnh. Điều này đã làm gia tăng đáng kể chi phí đầu vào, qua đó tạo áp lực trực tiếp lên biên lợi nhuận của Công ty trong năm vừa qua.

## Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu                 | Giá trị năm 2023         | Giá trị năm 2024         | %Năm<br>2024/2023 |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm | 3.246.569.886.848        | 3.423.897.711.763        | 105,46%           |
| Doanh thu bán hàng hóa   | 12.193.200.209           | 172.463.978.421          | 1414,43%          |
| Doanh thu khác           | 145.454.545              | 145.454.545              | 100,00%           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>         | <b>3.258.908.541.602</b> | <b>3.596.507.144.729</b> | <b>110,36%</b>    |

## Hội đồng quản trị

### Danh sách Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên<br>Hội đồng quản trị | Chức vụ                         | Số lượng cổ phiếu (tại ngày 10/03/2025) |            |          |            |
|-----|---------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------|------------|----------|------------|
|     |                                 |                                 | Cá nhân                                 |            | Đại diện |            |
|     |                                 |                                 | Số lượng                                | Tỷ lệ/ VDL | Số lượng | Tỷ lệ/ VDL |
| 1   | Ông Lương Văn Thành             | Chủ tịch HĐQT, Phó TGD          | 3.041.917                               | 3,78%      | -        | -          |
| 2   | Ông Lê Bá Phương                | Phó Chủ tịch HĐQT, TGD          | 7.515.008                               | 9,34%      | -        | -          |
| 3   | Ông Nguyễn Thanh Nghĩa          | Thành viên HĐQT không điều hành | 1.766.800                               | 2,195%     | -        | -          |
| 4   | Ông Marco Martinelli            | Thành viên HĐQT độc lập         | 186.875                                 | 0,23%      | -        | -          |
| 5   | Ông Dương Thành Công            | Thành viên HĐQT không điều hành | 1.454.250                               | 1,81%      | -        | -          |

Trong năm 2024, Công ty không có thay đổi trong Hội đồng quản trị





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

### Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

#### Lý lịch Hội đồng quản trị

1.

**Ông Lương Văn Thành**  
Chủ tịch HĐQT, Phó TGĐ

- **Ngày sinh:** 12/11/1962
- **Trình độ:** Cử nhân Kinh tế
- **Chức vụ hiện tại:** Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc
- **Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** 3.041.917 cổ phiếu, tương đương 3,78% vốn điều lệ
- **Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:**
  - » Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long
  - » Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giấy Giao Long

#### Quá trình công tác

1986 – 1999: Phó Trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty Xây lắp và Vật liệu xây dựng

2003 – 2012: Trưởng phòng quản trị - Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2

2012 – 2014: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

2014 – 2017: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

2017 – 2020: Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

2020 – Nay: Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

2.

**Ông Lê Bá Phương**  
Phó Chủ tịch HĐQT, TGĐ

- **Ngày sinh:** 20/11/1964
- **Trình độ:** Cử nhân Kinh tế
- **Chức vụ hiện tại:** Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
- **Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** 7.515.008 cổ phiếu, tương đương 9,34% Vốn điều lệ
- **Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:**
  - » Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre
  - » Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức
  - » Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giấy Giao Long

#### Quá trình công tác

1987 – 2012: Làm việc tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Bến Tre

2012 – 2013: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

2013 – 2014: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

2014 – 2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

2020 – Nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

### Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

#### Lý lịch Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

3.

**Ông Nguyễn Thanh Nghĩa**  
Thành viên HĐQT

- **Ngày sinh:** 27/11/1963
- **Trình độ:** Cử nhân
- **Chức vụ hiện tại:** Thành viên Hội đồng quản trị
- **Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** 1.766.800 cổ phiếu, tương đương 2,195% vốn điều lệ
- **Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:**
  - » Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc
  - » Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
  - » Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giấy Giao Long
  - » Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Giấy Giao Long

#### Quá trình công tác

1993 – 2001: Phó Phòng, Trưởng Phòng Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản TP Hồ Chí Minh

2001 – 2007: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc

2007 – 2020: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

2012 – 2013: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre

2012 – 2017: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

2020 – 2022: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

2022 – Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

2017 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

### Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

#### Lý lịch Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

4.

**Ông Marco Martinelli**  
Thành viên HĐQT

- **Ngày sinh:** 11/12/1978
- **Trình độ:** Cử nhân
- **Chức vụ hiện tại:** Thành viên Hội đồng quản trị
- **Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** 186.875 cổ phiếu, tương đương 0,23% vốn điều lệ
- **Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:**
  - » Thành viên Hội đồng quản trị Turicum Investment Management AG
  - » Thành viên Hội đồng quản trị Tim Vietnam JSC.
  - » Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giấy Giao Long

#### Quá trình công tác

1998 – 1999: Nhân viên Ngân hàng Credit Suisse Thụy Sĩ

2000 – 2007: Quản lý tài sản Turicum Investment Management AG

2007 – 2013: Quản lý quỹ T.I.M Vietnam Tiger Fund

2013 – 2016: Quản lý danh mục đầu tư Daragon Capital Group

2016 – 2018: Giám đốc Turicum Investment Management AG

2020 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

5.

**Ông Dương Thành Công**  
Thành viên HĐQT

- **Ngày sinh:** 03/02/1989
- **Trình độ:** Cử nhân
- **Chức vụ hiện tại:** Thành viên Hội đồng quản trị
- **Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** 1.454.250 cổ phiếu, tương đương 1,81% vốn điều lệ
- **Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:**
  - » Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ Năng lượng Thành Công
  - » Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Hải

#### Quá trình công tác

2017 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Hải

2017 – 2024: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ Năng lượng Thành Công

2024 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ Năng lượng Thành Công

2023 – Nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

### Ban kiểm soát

#### Danh sách Ban kiểm soát

| STT | Thành viên<br>Ban kiểm soát | Chức vụ        | Số lượng cổ phiếu (tại ngày 10/03/2025) |            |          |            |
|-----|-----------------------------|----------------|-----------------------------------------|------------|----------|------------|
|     |                             |                | Cá nhân                                 |            | Đại diện |            |
|     |                             |                | Số lượng                                | Tỷ lệ/ VDL | Số lượng | Tỷ lệ/ VDL |
| 1   | Bà Đoàn Thị Bích Thúy       | Trưởng BKS     | 22.252                                  | 0,03%      | -        | -          |
| 2   | Bà Đoàn Hồng Lan            | Thành viên BKS | 460                                     | 0,0006%    | -        | -          |
| 5   | Ông Nguyễn Quốc Bình        | Thành viên BKS | 900.348                                 | 1,119%     | -        | -          |

Trong năm 2024, Công ty không có thay đổi trong Ban kiểm soát.



**Bà Đoàn Thị Bích Thúy**  
Trưởng Ban Kiểm soát

- **Ngày sinh:** 11/05/1985
- **Trình độ:** Cử nhân kế toán
- **Chức vụ hiện tại:** Trưởng Ban Kiểm soát
- **Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** 22.252 cổ phiếu, tương đương 0,03% vốn điều lệ
- **Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:** Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

#### Quá trình công tác

2005 – 2007: Kế toán Công ty TNHH SXTM Thép Đại Thiên Lộc

2007 – 2011: Kế toán Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

2011 – 2018: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

2017 – Nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

2018 – Nay: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

### Ban kiểm soát (Tiếp theo)

#### Lý lịch Ban kiểm soát

2.

**Bà Đoàn Hồng Lan**  
Thành viên BKS

- **Ngày sinh:** 17/04/1986
- **Trình độ:** Cử nhân quản trị kinh doanh
- **Chức vụ hiện tại:** Thành viên Ban kiểm soát
- **Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** 460 cổ phiếu, tương đương 0,0006% vốn điều lệ
- **Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:** Không có

#### Quá trình công tác

2006 – 2009: Nhân viên Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

2009 – Nay: Nhân viên Quản lý Nhân sự Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

2012 – Nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

3.

**Ông Nguyễn Quốc Bình**  
Thành viên BKS

- **Ngày sinh:** 26/05/1977
- **Trình độ:** Cử nhân kinh tế
- **Chức vụ hiện tại:** Thành viên Ban kiểm soát
- **Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** 900.348 cổ phiếu, tương đương 1,12% vốn điều lệ
- **Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:** Không có

#### Quá trình công tác

01/2007 - 09/2007: Chuyên viên Phân tích Công ty Đầu tư Việt Phát

09/2007 - 2018: Chuyên viên đầu tư cao cấp tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI

06/2016 - 2018: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

06/2022 - Nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

## Ban điều hành

### Danh sách Ban điều hành

| STT | Thành viên<br>Ban điều hành | Chức vụ                          | Số lượng cổ phiếu (tại ngày 10/03/2025) |            |          |            |
|-----|-----------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------|------------|----------|------------|
|     |                             |                                  | Cá nhân                                 |            | Đại diện |            |
|     |                             |                                  | Số lượng                                | Tỷ lệ/ VDL | Số lượng | Tỷ lệ/ VDL |
| 1   | Ông Lê Bá Phương            | Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc | 7.515.008                               | 9,34%      | -        | -          |
| 2   | Ông Lương Văn Thành         | Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc | 3.041.917                               | 3,78%      | -        | -          |
| 3   | Bà Hồ Thị Song Ngọc         | Phó Tổng Giám đốc                | 103.511                                 | 0,13%      | -        | -          |
| 4   | Bà Nguyễn Hồng Thanh        | Kế toán trưởng                   | -                                       | -          | -        | -          |

Trong năm 2024, Công ty không có thay đổi trong Ban điều hành

### Lý lịch Ban điều hành

Sơ yếu lý lịch của Ông Lương Văn Thành và Ông Lê Bá Phương, vui lòng xem tại phần Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị.





# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

## Ban điều hành (Tiếp theo)

### Lý lịch Ban điều hành (Tiếp theo)

1.

**Bà Hồ Thị Song Ngọc**  
Phó Tổng Giám đốc

- **Ngày sinh:** 11/02/1983
- **Trình độ:** Cử nhân kinh tế
- **Chức vụ hiện tại:** Phó Tổng Giám đốc
- **Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** 103.511 cổ phiếu, tương đương 0,13% vốn điều lệ
- **Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:** Giám đốc Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre

#### Quá trình công tác

2005 – 2008: Nhân viên tiếp nhận và triển khai đơn hàng thuộc phòng KHKD-CL Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

2008 – 2010: Phó Giám đốc Kinh Doanh – Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

2010 – 2012: Giám đốc Kinh doanh – Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

2010 – 2017: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

2017 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Tháng 04/2020 - nay: Giám đốc Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre

2.

**Bà Nguyễn Hồng Thanh**  
Kế toán trưởng

- **Ngày sinh:** 06/01/1986
- **Trình độ:** Cử nhân kinh tế
- **Chức vụ hiện tại:** Kế toán trưởng
- **Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân:** Không có
- **Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:** Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long

#### Quá trình công tác

07/2011 – 09/2014: Kế toán thanh toán Công ty TNHH Nhà máy Sửa chữa và Đóng tàu Sài Gòn

02/2014 – 09/2015: Kế toán viên VPĐD Allergan Singapore PTE LTD tại TP.HCM

04/2017 – 08/2018: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Phân Phối Sành Điệu

09/2018 – 03/2020: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Sô cô la Marou

12/2021 – 12/2023: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

01/2023 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

04/2023 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long



## Tình hình cán bộ nhân viên

Tại ngày 31/12/2024

| Chỉ tiêu                                | Năm 2024         |                |
|-----------------------------------------|------------------|----------------|
|                                         | Số lượng (người) | Tỷ trọng       |
| <b>Theo trình độ lao động</b>           | <b>551</b>       | <b>100,00%</b> |
| Trên Đại học                            | 1                | 0,18%          |
| Đại học, Cao đẳng                       | 188              | 34,12%         |
| Trung cấp                               | 42               | 7,62%          |
| Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật            | 16               | 2,90%          |
| Lao động phổ thông                      | 304              | 55,17%         |
| <b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b> | <b>551</b>       | <b>100,00%</b> |
| Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm            | 2                | 0,36%          |
| Hợp đồng xác định thời hạn              | 174              | 31,58%         |
| Hợp đồng không xác định thời hạn        | 375              | 68,06%         |
| <b>Theo giới tính</b>                   | <b>551</b>       | <b>100,00%</b> |
| Nam                                     | 499              | 90,56%         |
| Nữ                                      | 52               | 9,44%          |

## Thu nhập bình quân

| Chỉ tiêu                               | Năm 2023   | Năm 2024   |
|----------------------------------------|------------|------------|
| Tổng số lượng người lao động           | 564        | 551        |
| Thu nhập bình quân (Đồng/Người/ tháng) | 11.664.553 | 12.224.976 |



## Chính sách đối với người lao động

### Lương thưởng và đãi ngộ

Công ty luôn đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty còn có những chính sách ưu đãi đặc biệt nhằm khuyến khích và ghi nhận những đóng góp của người lao động. Cụ thể, Công ty tổ chức phát thưởng định kỳ và đột xuất cho các cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc trong năm hoặc có những ý tưởng mang tính đột phá. Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ lao động nhằm theo dõi và hỗ trợ kịp thời cho những người lao động bị ảnh hưởng bởi môi trường làm việc.



### Chính sách tuyển dụng

Chính sách tuyển dụng của Công ty nhằm đảm bảo quy trình công bằng và minh bạch. Mục tiêu là tuyển dụng dựa trên năng lực và kinh nghiệm phù hợp với từng vị trí cụ thể. Mỗi vị trí sẽ có tiêu chí tuyển dụng riêng được xác định rõ ràng, nhằm tìm kiếm ứng viên tốt nhất cho Công ty.

### Đào tạo

Công ty luôn coi trọng việc đào tạo và nâng cao kỹ năng cho nhân viên, bởi đó là nhân tố quan trọng để đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp được vận hành hiệu quả và an toàn. Hằng năm, Công ty đều tổ chức các khóa đào tạo và tái đào tạo về An toàn vệ sinh lao động, vận hành cầu trục, xe nâng, đào tạo ISO, 5S, sơ cấp cứu và diễn tập phòng cháy chữa cháy. Đây là cách Công ty giúp nhân viên luôn cập nhật và nắm vững các kỹ năng mới nhất, đáp ứng được yêu cầu của công việc và đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc. Công ty cam kết đầu tư mạnh mẽ vào đào tạo và phát triển nhân viên, nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, năng động và sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.



## Chính sách đối với người lao động (Tiếp theo)

### Môi trường làm việc

Công ty sắp xếp thời gian làm việc hợp lý, đảm bảo quyền lợi về lương thưởng, các chính sách xã hội cho người lao động với mục tiêu xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện và chuyên nghiệp, như ngôi nhà thứ hai của người lao động. Đặc biệt, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động giải trí và đoàn thể, như một món quà tinh thần giúp người lao động giải tỏa căng thẳng và gắn kết với Công ty hơn.



### Chính sách an toàn bảo vệ lao động

Công ty không chỉ chú trọng đầu tư vào đào tạo và nâng cao kỹ năng cho nhân viên, mà còn quan tâm đến việc bảo đảm an toàn và sức khỏe cho nhân viên trong quá trình làm việc. Để đảm bảo an toàn cho nhân viên, Công ty đã cấp đồng phục và bảo hộ lao động phù hợp với vị trí công việc. Đồng phục và bảo hộ lao động giúp nhân viên đảm bảo tính an toàn và chuyên nghiệp trong công việc. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các lớp đào tạo về an toàn vệ sinh lao động, sơ cấp cứu, diễn tập phòng cháy chữa cháy cho nhân viên. Các khóa đào tạo này giúp nhân viên nâng cao ý thức an toàn lao động, biết cách xử lý khi gặp tình huống khẩn cấp, đảm bảo an toàn cho bản thân, đồng nghiệp và doanh nghiệp. Công ty cam kết sẽ tiếp tục đầu tư vào các hoạt động bảo đảm an toàn và sức khỏe cho nhân viên, nhằm xây dựng môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, góp phần nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.





# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

## Các khoản đầu tư lớn

### Công ty con

**Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre:** Trong năm 2024, Công ty đã sản xuất và xuất bán đạt 118,8% kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu trong năm trên 330 tỷ đồng, tăng 40% so với kết quả đạt được năm 2023. Máy móc hoạt động ổn định, năng suất lao động tăng. Công ty đã tăng cường phát triển thị trường, tìm kiếm thêm nhiều khách hàng mới cho công ty.

### Công ty Cổ phần Giấy Giao Long

- Ngày 03/10/2024, Công ty đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 2348/QĐ-UBND để làm Nhà máy giấy với công suất 1.000 tấn/ngày.
- Công ty đang tiếp tục thực hiện các hồ sơ pháp lý, làm việc với các nhà cung cấp để triển khai Dự án theo kế hoạch đề ra.

### Công ty liên kết

**Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long:** Trong năm 2024, hoạt động của công ty tương đối ổn định. Tổng doanh thu đạt được trong năm trên 61 tỷ đồng. Công ty đang đẩy mạnh phát triển thị trường ở Bến Tre cũng như các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long và tuyến vận tải đường thủy kết nối ra đời và vận hành thường xuyên sẽ làm giảm áp lực tắc nghẽn giao thông đường bộ, tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng, tạo sự khác biệt với phương thức truyền thống.



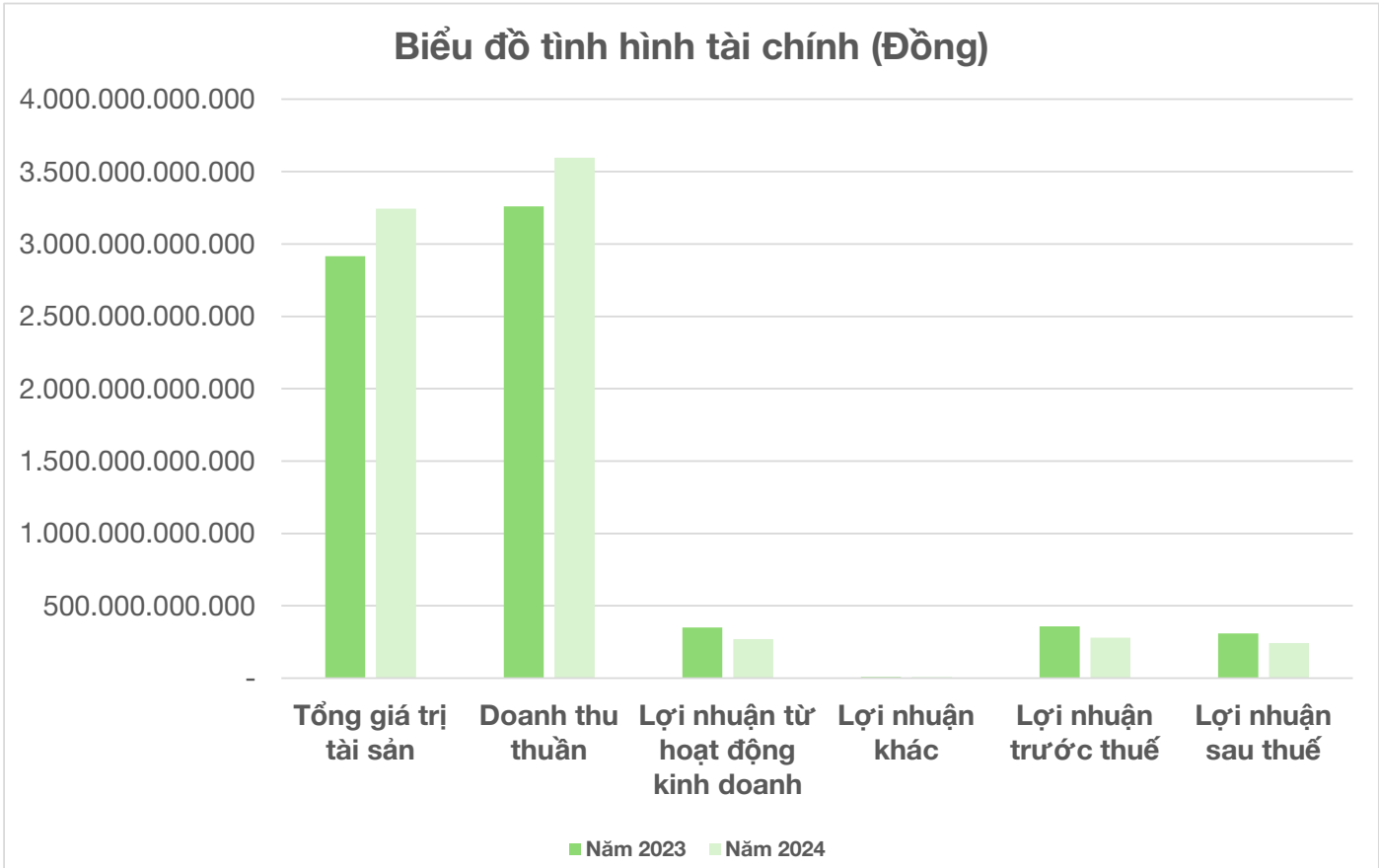


# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài chính

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu                          | Năm 2023          | Năm 2024          | % 2024/2023 |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 2.915.097.525.252 | 3.244.657.641.103 | 111,31%     |
| Doanh thu thuần                   | 3.258.908.541.602 | 3.596.507.144.729 | 110,36%     |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 350.550.348.467   | 271.089.341.970   | 77,33%      |
| Lợi nhuận khác                    | 7.547.705.822     | 8.133.459.023     | 107,76%     |
| Lợi nhuận trước thuế              | 358.098.054.289   | 279.222.800.993   | 77,97%      |
| Lợi nhuận sau thuế                | 309.338.388.739   | 242.196.652.212   | 78,30%      |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | 20%               | Dự kiến 30%       | -           |





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu                                                          | Đơn vị | Năm 2023 | Năm 2024 |
|-------------------------------------------------------------------|--------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                            |        |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn                                         | Lần    | 1,68     | 1,77     |
| Hệ số thanh toán nhanh                                            | Lần    | 1,21     | 1,34     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                     |        |          |          |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản                                             | %      | 36,47%   | 38,27%   |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                                           | %      | 57,41%   | 61,98%   |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                             |        |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho                                            | Vòng   | 4,86     | 6,16     |
| Vòng quay tổng tài sản                                            | Vòng   | 1,12     | 1,17     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                              |        |          |          |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                                | %      | 9,49%    | 6,73%    |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                                 | %      | 16,70%   | 12,09%   |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                                   | %      | 10,61%   | 7,46%    |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần | %      | 10,76%   | 7,54%    |





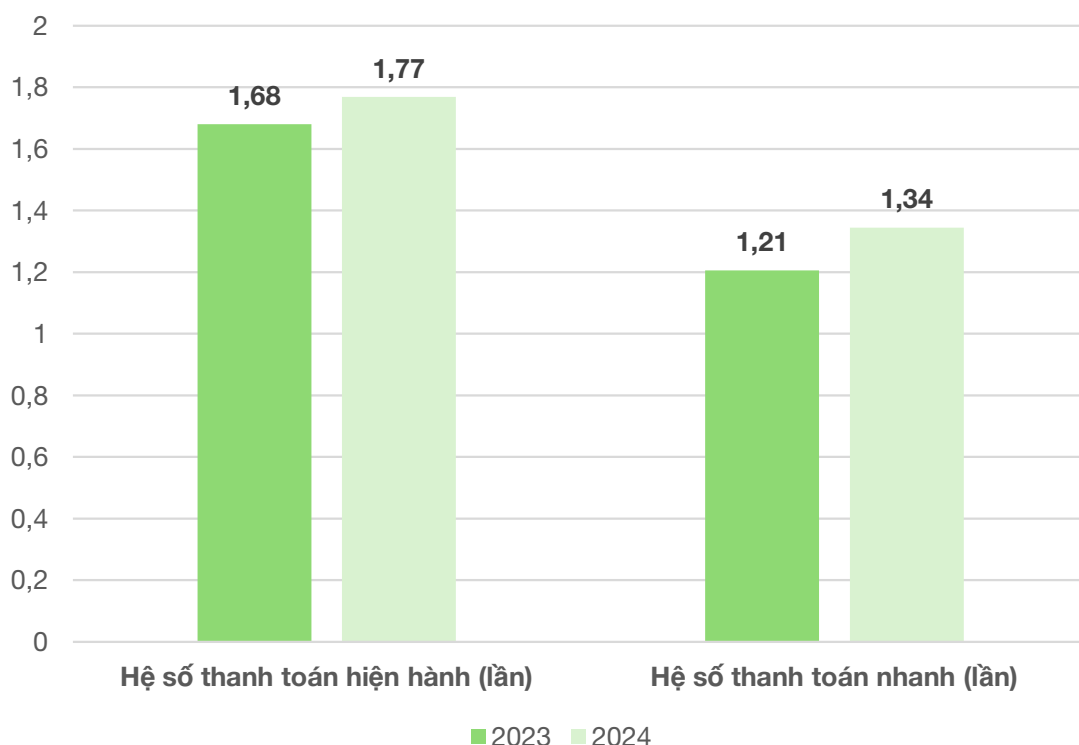
### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Tiếp theo)

#### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2024, khả năng thanh toán của Công ty đã có sự cải thiện rõ rệt. Cụ thể, hệ số thanh toán hiện hành tăng từ 1,68 lần trong năm 2023 lên 1,77 lần, trong khi hệ số thanh toán nhanh cũng cải thiện từ 1,21 lần lên 1,34 lần. Mặc dù nợ ngắn hạn đã gia tăng từ 1.062 tỷ đồng lên 1.236 tỷ đồng, tương đương mức tăng 16,34%, tài sản ngắn hạn lại có mức tăng trưởng vượt trội, tăng 22,45%. Điều này cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty đã được nâng cao đáng kể trong năm nay. Đặc biệt, khoản tiền và các khoản tương đương tiền tăng mạnh từ 247,2 tỷ đồng lên 570,8 tỷ đồng, phản ánh sự chủ động trong việc tối ưu hóa thanh khoản, bảo đảm khả năng thanh toán kịp thời và giảm thiểu rủi ro tài chính. Điều này không chỉ giúp Đông Hải duy trì sự linh hoạt trong hoạt động tài chính mà còn tạo điều kiện để tận dụng các cơ hội đầu tư hiệu quả. Ngoài ra, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn không quá 1 năm đã tăng 233 tỷ đồng, từ mức 101,1 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 2023, do Công ty đã chủ động chuyển hướng một phần tài sản sang các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, nhằm tối ưu hóa lợi nhuận trong ngắn hạn và duy trì tính thanh khoản cao, qua đó giúp Công ty giảm thiểu chi phí tài chính và tận dụng các cơ hội đầu tư có lợi trong điều kiện thị trường hiện tại.

Các chỉ số thanh toán khả quan giúp Đông Hải đáp ứng đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn, bao gồm việc thanh toán cho nhà cung cấp và người bán. Điều này không chỉ củng cố mối quan hệ với các đối tác mà còn đảm bảo sự ổn định tài chính, tạo nền tảng vững chắc cho các kế hoạch phát triển trong tương lai.

#### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Tiếp theo)

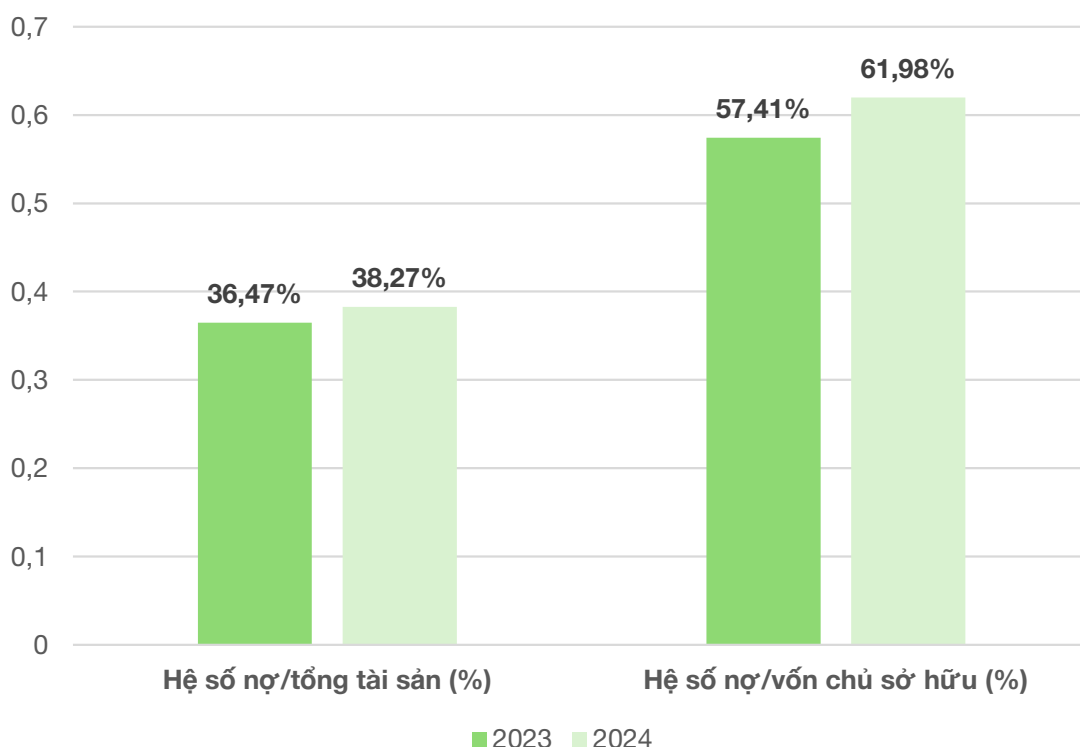
#### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm 2024, chỉ số hệ số nợ/tổng tài sản tăng từ 36,47% lên 38,27%, trong khi hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 57,41% lên 61,98%. Mặc dù tỷ lệ nợ tăng nhẹ, Công ty vẫn duy trì cơ cấu tài chính an toàn với khả năng thanh toán và hiệu quả sử dụng vốn ổn định. Sự gia tăng này phản ánh chiến lược huy động nợ để tài trợ cho các hoạt động sản xuất và mở rộng quy mô, phù hợp với mức lãi suất hợp lý và nhu cầu tăng trưởng do sự phục hồi của ngành giấy.

Trong đó, tổng nợ phải trả của Công ty tăng từ 1.063 tỷ đồng lên 1.242 tỷ đồng, tương đương mức tăng 16,78% so với năm 2023, chủ yếu là do sự thay đổi của nợ ngắn hạn, từ 1.062 tỷ đồng lên 1.236 tỷ đồng, tương đương mức tăng 16,34%. Việc gia tăng nợ ngắn hạn chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu thanh khoản ngắn hạn và phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, Công ty đã tận dụng mặt bằng lãi suất thấp trong năm 2024 để gia tăng vay tài chính ngắn hạn, giúp giảm chi phí tài chính và tăng tính linh hoạt trong việc huy động vốn.

Đối với vốn chủ sở hữu, Công ty ghi nhận sự tăng trưởng từ 1.851 tỷ đồng lên 2.003 tỷ đồng, nhờ vào sự gia tăng lợi nhuận chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển. Điều này không chỉ thể hiện sự ổn định tài chính của Công ty mà còn phản ánh chiến lược tái đầu tư lợi nhuận để phục vụ các mục tiêu phát triển lâu dài, đặc biệt là các dự án mở rộng như Dự án Nhà máy Giấy mới, với mục tiêu nâng công suất sản xuất lên gấp đôi vào năm 2028. Tổng thể, việc điều chỉnh cơ cấu vốn này là hợp lý với chiến lược phát triển của Công ty, giúp tối ưu hóa tài chính và chuẩn bị cho các dự án đầu tư quan trọng trong tương lai.

#### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

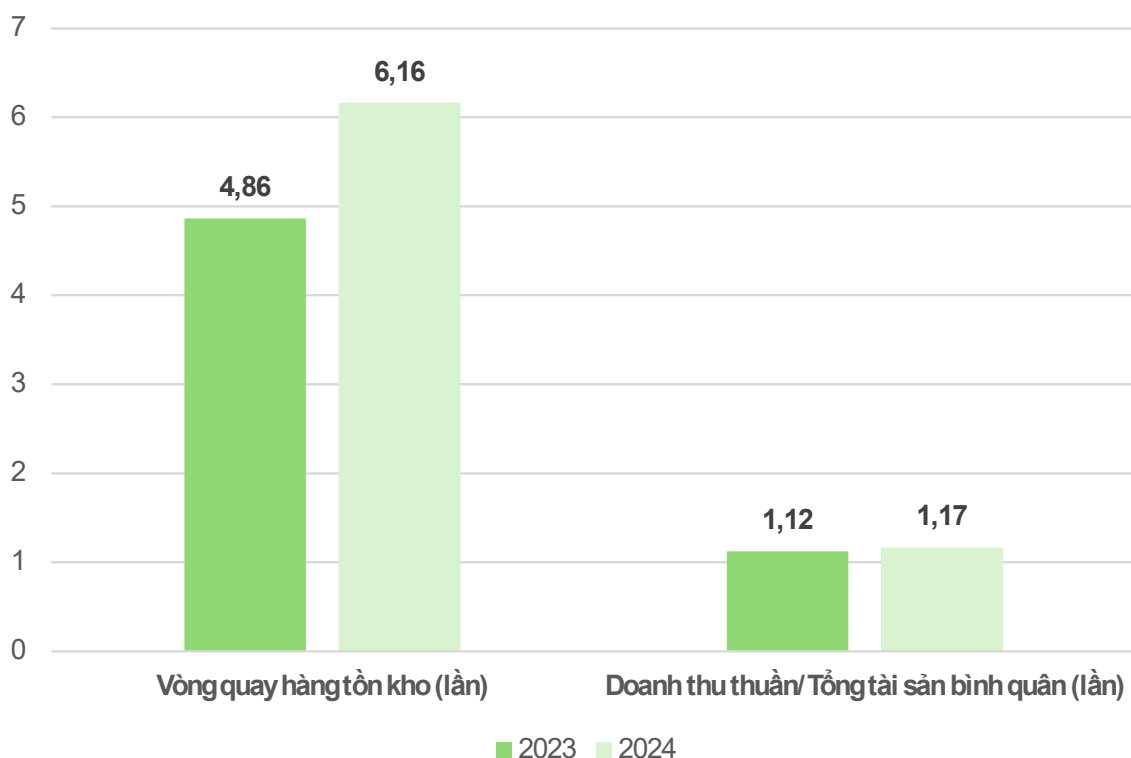
### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Tiếp theo)

#### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2024, Công ty đã cải thiện đáng kể các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng tài sản, thể hiện qua sự tăng trưởng của vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho đã tăng từ 4,86 lần trong năm 2023 lên 6,16 lần trong năm 2024, phản ánh sự cải thiện rõ rệt trong việc quản lý và sử dụng hàng tồn kho. Sự gia tăng này cho thấy Công ty đã tối ưu hóa việc tiêu thụ và sử dụng nguyên liệu, đặc biệt trong bối cảnh giá nguyên liệu như giấy phế liệu OCC tăng lên, giúp giảm thiểu chi phí lưu kho và tối ưu hóa dòng tiền. Mặc dù giá OCC có xu hướng tăng trong năm, Công ty đã thực hiện các chiến lược dự trữ nguyên liệu hiệu quả hơn, giữ lượng tồn kho ở mức hợp lý để phục vụ cho hoạt động sản xuất, đồng thời giảm thiểu sự lãng phí và chi phí liên quan đến việc lưu kho.

Song song đó, vòng quay tài sản cũng ghi nhận sự cải thiện nhẹ từ 1,12 lần lên 1,17 lần, Công ty đã sử dụng tài sản hiệu quả hơn trong việc tạo ra doanh thu, đồng thời tối ưu hóa việc khai thác và sử dụng các tài sản hiện có. Mặc dù tổng tài sản của Công ty không tăng mạnh, nhưng doanh thu thuần đã gia tăng từ 3.258,90 tỷ đồng lên 3.596,51 tỷ đồng, điều này cho thấy Công ty đã tận dụng tối đa các tài sản hiện có để thúc đẩy sản xuất và kinh doanh. Việc cải thiện vòng quay tài sản cũng phản ánh chiến lược tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm thiểu lãng phí tài nguyên và nâng cao hiệu quả sử dụng các tài sản cố định trong sản xuất. Sự cải thiện này không chỉ giúp Công ty tăng trưởng bền vững mà còn tạo ra nền tảng vững chắc để tiếp tục phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh trong ngành giấy.

#### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Tiếp theo)

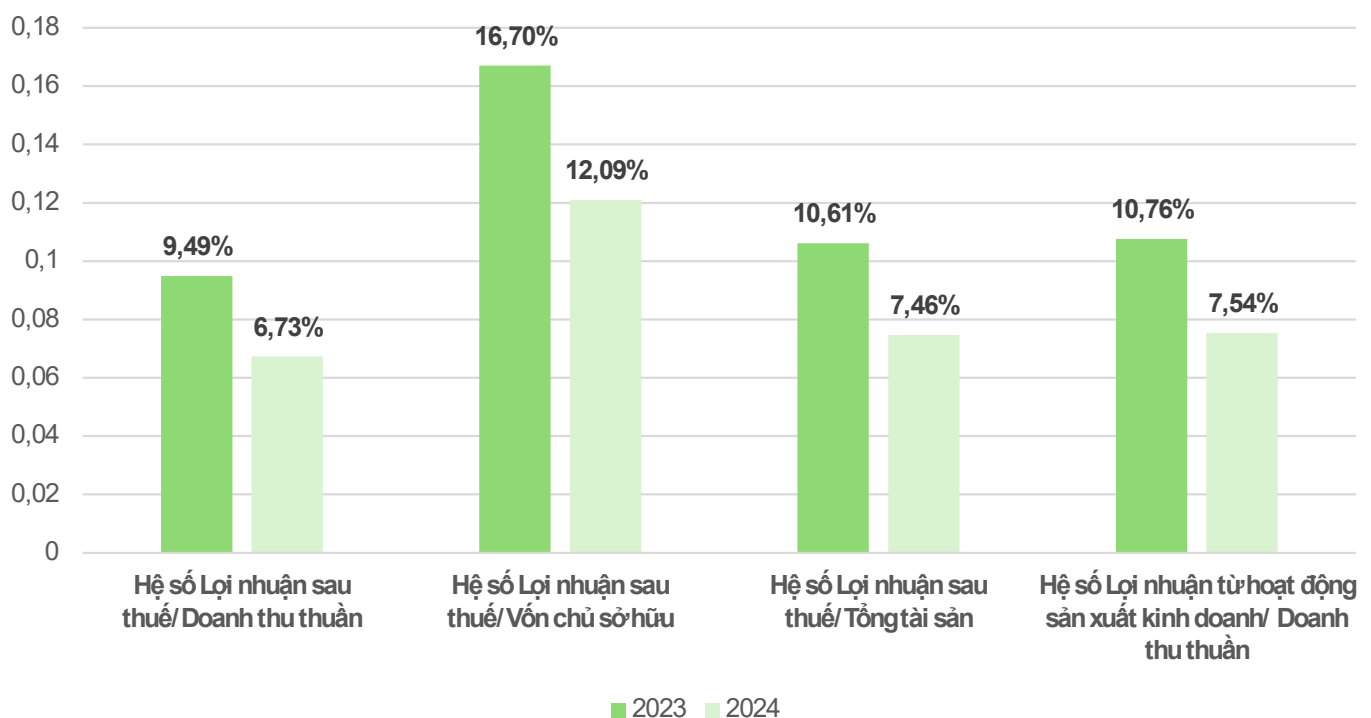
#### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2024, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty ghi nhận sự thay đổi rõ rệt. Cụ thể, hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần giảm từ 9,49% xuống 6,73%; hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu giảm từ 16,70% xuống 12,09%; hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản giảm từ 10,61% xuống 7,46%; và hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/doanh thu thuần giảm từ 10,76% xuống 7,54%. Các chỉ số này phản ánh sự suy giảm trong biên lợi nhuận của Công ty, do những yếu tố tác động tiêu cực trong năm 2024.

Một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty là sự gia tăng giá nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là giá giấy phế liệu OCC. Trong bối cảnh giá OCC và các nguyên vật liệu đầu vào khác tăng mạnh, chi phí sản xuất của Công ty cũng tăng lên. Mặc dù Đông Hải đã áp dụng các chiến lược dự trữ hợp lý để giảm thiểu tác động của việc tăng giá nguyên liệu, nhưng sự gia tăng này đã ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận của DHC.

Bên cạnh đó, tình hình thị trường xuất khẩu, đặc biệt tại thị trường Trung Quốc, cũng có tác động lớn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Mặc dù các thị trường xuất khẩu đang có những dấu hiệu phục hồi, sự cạnh tranh trong ngành bao bì carton và giấy công nghiệp ngày càng gia tăng. Công ty đã chủ động điều chỉnh chiến lược xuất khẩu và tăng cường xuất khẩu sang các thị trường khác ngoài Trung Quốc, đồng thời đẩy mạnh thị trường nội địa để duy trì doanh thu. Màng bao bì carton và giấy công nghiệp của DHC đã đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt, nhưng Công ty đã kịp thời điều chỉnh quy trình sản xuất, giảm chi phí vận hành và nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

#### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời





# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## Thông tin về cổ phiếu

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) với mã chứng khoán : **DHC**



**Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

**Tổng số cổ phần đã phát hành:** 80.493.048 cổ phần

**Tổng số cổ phần đang lưu hành:** 80.493.048 cổ phần

**Số lượng cổ phiếu quỹ:** Không có

**Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/Cổ phiếu

**Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do:** Không có

**Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:** Không có

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

| Năm  | Vốn đầu tư của chủ sở hữu (đồng) |
|------|----------------------------------|
| 2017 | 344.597.690.000                  |
| 2018 | 413.515.490.000                  |
| 2019 | 559.957.830.000                  |
| 2020 | 559.957.830.000                  |
| 2021 | 699.944.230.000                  |
| 2023 | 804.930.480.000                  |

Trong năm 2024, Công ty không có thay đổi Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ).





# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

## Cơ cấu cổ đông

Tại ngày 10/03/2025

| STT                                    | Loại cổ đông                            | Số cổ đông | Số cổ phần | Giá trị ( đồng ) | Tỷ lệ sở hữu |
|----------------------------------------|-----------------------------------------|------------|------------|------------------|--------------|
| I                                      | Cổ đông nhà nước                        | -          | -          | -                | -            |
| II                                     | Cổ đông lớn (Từ 5% trở lên)             | 3          | 25.089.944 | 250.899.440.000  | 31,17%       |
|                                        | - Tổ chức                               | 1          | 11.885.488 | 118.854.880.000  | 14,77%       |
|                                        | - Cá nhân                               | 2          | 13.204.456 | 132.044.560.000  | 16,40%       |
| III                                    | Công đoàn công ty                       | -          | -          | -                | -            |
| IV                                     | Cổ phiếu quỹ                            | -          | -          | -                | -            |
| V                                      | Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) | -          | -          | -                | -            |
| VI                                     | Cổ đông khác                            | 5.485      | 55.403.104 | 554.031.040.000  | 68,83%       |
| 1                                      | - Tổ chức                               | 79         | 20.536.256 | 205.362.560.000  | 25,51%       |
| 2                                      | - Cá nhân                               | 5.406      | 34.866.848 | 348.668.480.000  | 43,32%       |
| Tổng cộng (I + II + III + IV + V + VI) |                                         | 5.488      | 80.493.048 | 804.930.480.000  | 100,00%      |
| Trong đó: - Trong nước                 |                                         | 5.337      | 49.051.752 | 490.517.520.000  | 60,94%       |
| - Nước ngoài                           |                                         | 151        | 31.441.296 | 314.412.960.000  | 39,06%       |

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

## Danh sách cổ đông lớn

Tại ngày 10/03/2025

| STT       | Họ và tên            | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) |
|-----------|----------------------|-------------------|----------------------|
| 1         | Lê Bá Phương         | 7.515.008         | 9,34%                |
| 2         | Nguyễn Thị Thùy      | 5.689.448         | 7,07%                |
| 3         | KWE BETEILIGUNGEN AG | 11.885.488        | 14,77%               |
| TỔNG CỘNG |                      | 25.089.944        | 31,17%               |

## Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh trong năm 2024

## Các chứng khoán khác

Không phát sinh trong năm 2024



# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

## Tác động lên môi trường

Trong bối cảnh ngày càng nhiều quan tâm đến việc bảo vệ môi trường, các doanh nghiệp trong ngành giấy đứng trước nhiều thách thức lớn trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến thiên nhiên và cộng đồng xung quanh. Với quy mô sản xuất lớn, Công ty không những chuyển hướng tới các phương pháp sản xuất bền vững hơn mà còn đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường một cách hiệu quả. Công ty đã ký kết các hợp đồng xử lý rác và chất thải với bên thứ ba chuyên xử lý những rác thải sinh hoạt như Công ty Cổ Phần Công Trình Đô Thị Bến Tre, đơn vị thu gom rác thải nguy hại như Công ty TNHH Môi trường Chân Lý,... Đồng thời, Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế là 4.900 m<sup>3</sup> /ngày và đêm.

Để tiếp nối những nỗ lực đã được thực hiện, Công ty đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường một cách hiệu quả. Điều này không chỉ cần thiết để đảm bảo an toàn môi trường trong điều kiện sản xuất ngày càng được cải tiến mà còn là một yếu tố quan trọng để tăng cường sự tin cậy và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Việc triển khai các chiến lược phòng ngừa sự cố cụ thể và kịp thời sẽ giúp giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn có thể phát sinh, đồng thời, xây dựng các kế hoạch ứng phó sẵn sàng hoạt động hiệu quả trong trường hợp các tình huống khẩn cấp xảy ra.

Cụ thể, Công ty đã lập Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định trong Nghị Định 08/2022/NĐ-CP và gửi Ban Quản Lý Các Khu Công Nghiệp tỉnh Bến Tre.

## Đối với sự cố cháy nổ

Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy (“PCCC”) đúng theo luật và tuân thủ các tiêu chuẩn TCVN 2622-1995, TCVN 5760-1993, TCVN 5738-1993. Hệ thống PCCC bao gồm bình khí CO<sub>2</sub> và bình bột chữa cháy được bố trí tại các khu vực có nguy cơ cháy nổ. Ngoài ra, nhà máy cũng được trang bị các tủ chứa thiết bị chữa cháy và hệ thống báo cháy tại các khu sản xuất và nhà kho cùng với một hồ chứa nước dung tích 2.500m<sup>3</sup> cũng đã được xây dựng để phục vụ cho việc chữa cháy.

Để nâng cao năng lực ứng phó, công ty đã thành lập đội PCCC chuyên ngành và đội PCCC cơ sở, đào tạo và huấn luyện định kỳ, cùng với tổ chức diễn tập PCCC hàng năm. Các biện pháp an toàn khác bao gồm cấm hút thuốc và mang bật lửa trong khu vực nhà máy, và tất cả các đơn vị thầu bên ngoài phải ký cam kết nội quy an toàn khi làm việc tại công ty. Khi xảy ra sự cố cháy nổ, công ty đã có kế hoạch ứng phó phân cấp dựa vào mức độ nguy hiểm của sự cố, kết hợp phối hợp với lực lượng PCCC địa phương và các công ty trong khu công nghiệp để xử lý hiệu quả.





# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

## Tác động lên môi trường (Tiếp theo)

### Đối với hệ thống chống sét

Hệ thống chống sét đã được lắp đặt tại các vị trí cao trong khu vực các nhà máy để bảo vệ an toàn cho hoạt động sản xuất. Hệ thống này bao gồm các trụ thu sét và thu tĩnh điện, cùng với việc áp dụng các công nghệ mới trong cải tiến hệ thống chống sét. Điện trở tiếp đất của hệ thống được thiết kế sao cho phù hợp với điện trở suất của đất, đảm bảo điện trở xung kích ở mức dưới  $10\Omega$  khi điện trở của đất dưới  $50.000Q/cm^2$  và trên 100 khi điện trở suất của đất vượt qua  $50.000Q/cm^2$ . Hệ thống chống sét định vị các trụ cao từ 10 - 14 mét để bảo vệ toàn diện cho nhà máy. Ngoài ra, hệ thống được kiểm định định kỳ hàng năm bởi đơn vị có chức năng để đảm bảo hoạt động hiệu quả và an toàn, nhất là trong điều kiện mưa bão và sấm sét.

### Đối với việc Phòng chống rò rỉ nguyên nhiên liệu

Để đảm bảo hoạt động an toàn và hiệu quả của các kho chứa nguyên liệu và phương tiện vận tải, công ty đã áp dụng các biện pháp phòng chống rò rỉ nguyên nhiên liệu chi tiết như sau:

- Thường xuyên kiểm tra các hệ thống kỹ thuật tại kho chứa và phương tiện vận tải.
- Đảm bảo hệ thống kho chứa nguyên liệu và sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn Việt Nam về kỹ thuật và an toàn.
- Thực hiện quy định kỹ thuật và an toàn nghiêm ngặt trong quá trình nhập xuất nhiên liệu.
- Khi xảy ra rò rỉ, nhanh chóng xác định nguyên nhân và vị trí, ngưng hoạt động liên quan và báo cáo các đơn vị chức năng để khắc phục.





## Tác động lên môi trường (Tiếp theo)

### Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Nhằm giảm thiểu và xử lý hiệu quả các sự cố rò rỉ hoặc tràn đổ hóa chất, công ty đã triển khai một loạt biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất cụ thể:

- Sắp xếp hóa chất gọn gàng, đảm bảo bao bì kín, không xếp chồng quá cao.
- Kiểm tra định kỳ tình trạng hóa chất trong kho.
- Kiểm tra bao bì và phuy can chứa hóa chất trong quá trình nhập hàng để phòng tránh rò rỉ.
- Sử dụng thiết bị không phát lửa và hệ thống thông gió tốt trong kho chứa hóa chất.



### Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho trường hợp hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) vận hành không hiệu quả

Để đối phó với những trường hợp hệ thống xử lý nước thải không đạt hiệu quả, công ty đã thiết kế và thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó như sau, nhằm đảm bảo quá trình xử lý nước thải luôn duy trì ở mức tối ưu:

- Thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho lưu lượng cao nhất.
- Theo dõi và kiểm tra định kỳ chất lượng nước thải đầu vào và ra.
- Chuẩn bị hệ thống thoát nước mưa riêng để phòng ngừa lưu lượng tăng do mưa lớn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các máy móc và bể xử lý.
- Vận hành hệ thống theo đúng quy trình, bảo trì thường xuyên thiết bị.
- Đào tạo cán bộ vận hành về quy trình và an toàn vận hành hệ thống.
- Lưu trữ nước thải tại bể sự cố và giảm sản lượng sản xuất nếu hệ thống xử lý không đạt hiệu quả.
- Thường xuyên làm sạch đường ống và kiểm tra mực nước trong bồn chứa.
- Chuẩn bị các thiết bị động lực dự phòng và bố trí nhân viên giám sát để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.
- Nếu cả hệ thống gặp sự cố, lưu chứa nước thải trong hồ sự cố và báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xin hướng dẫn khắc phục.



# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Quản lý nguồn nguyên liệu là hoạt động quan trọng đối với mọi doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất giấy. Nguyên liệu sản xuất chính của Công ty là các loại giấy phế liệu, là loại giấy thùng carton cũ đã qua sử dụng được nhập khẩu từ Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản hoặc được thu gom trong nước. Việc tận dụng và tái chế rác thải đã qua sử dụng là một hoạt động quan trọng góp phần bảo vệ môi trường của Công ty. Khi rác thải được tái chế, sẽ được sử dụng để tạo ra các sản phẩm mới, thay thế cho việc sử dụng nguyên liệu mới. Điều này giúp giảm thiểu lượng rác thải phải chôn lấp hoặc đốt, đồng thời giảm thiểu việc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

## Tiêu thụ năng lượng

Tại Việt Nam, tiêu thụ năng lượng trong ngành sản xuất giấy vẫn còn khá cao. Theo thống kê của Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam (VPPA), chi phí năng lượng trong sản xuất giấy và bột giấy chiếm đến 20-30% chi phí sản xuất. Do vậy, việc giảm thiểu tiêu thụ năng lượng là một trong những vấn đề quan trọng đối với các doanh nghiệp sản xuất giấy tại Việt Nam. Tổng điện năng tiêu thụ của Công ty trong năm 2024 là 133.222.467 Kwh. Đối với Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre, trong năm 2024 dự án Điện Mặt Trời đã chính thức đưa vào vận hành. Đông Hải hy vọng dự án này sẽ góp phần tiết kiệm điện năng, đáp ứng tiêu chí sản xuất xanh, bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp và ứng phó với biến đổi của khí hậu, đồng thời đón kịp xu hướng sử dụng năng lượng sạch – năng lượng tái tạo hiện nay trên toàn cầu.



## Tiêu thụ nước

Nước là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình sản xuất giấy, do đó Công ty luôn chú trọng đến việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước. Trong năm 2024, tổng lượng nước tiêu thụ của Công ty là 1.779.054 m<sup>3</sup>. DHC đã đầu tư hệ thống tái chế nước thải khép kín, hiện đại, đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất. Hệ thống này đã được đánh giá đạt tiêu chuẩn về chất lượng nước thải sau xử lý. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động kiểm tra hệ thống nước thường xuyên nhằm phát hiện và khắc phục kịp thời các sự cố rò rỉ nước. Nhờ vậy, Công ty đã hạn chế được đáng kể lượng nước thất thoát. Những nỗ lực của Công ty trong việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước đã góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và phát triển bền vững.





# **BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI** (TIẾP THEO)



## **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Trong năm qua, Công ty luôn tuân thủ tốt pháp luật bảo vệ môi trường. Ngoài tuân thủ tốt, Công ty còn đầu tư hệ thống xử lý nước thải và đảm bảo vận hành liên tục nhằm đảm bảo môi trường sống, cảnh quan xung quanh. Định kỳ Công ty cũng phối hợp với các cơ quan chức năng để lấy mẫu xử lý nước thải nhằm có thể kiểm tra, đánh giá và xử lý kịp thời nếu có trường hợp không mong muốn xảy ra.



## **Chính sách liên quan đến vấn đề người lao động**

Đối với DHC, nhân lực là một trong những yếu tố chủ chốt của hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, luôn luôn phối hợp với công đoàn để thực hiện tốt chức năng đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Đồng thời, chăm lo đời sống tinh thần lẫn vật chất, xây dựng các chính sách về lương thưởng, bảo hộ lao động theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể, khối Hành chính nhân sự cùng tổ chức Công Đoàn kịp thời hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, trợ cấp “Mái ấm Đông Hải”, tặng quà tết nguyên đán cho toàn thể CBCNV công ty,... với tổng số tiền trên 2,2 tỷ đồng.



# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2024, Công ty đã thể hiện trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương thông qua các hoạt động như chi tiền ủng hộ cho người dân bị ảnh hưởng sau bão Yagi, chi hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn trong địa bàn xã, hỗ trợ các xã nhân dịp cuối năm, hỗ trợ chi phí tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư của tỉnh, với tổng số tiền trên 700 triệu đồng.





# CHƯƠNG 3

## Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường  
và xã hội của Công ty



GIAOLONG PAPER



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Tình hình chung

Ngành giấy Việt Nam trong năm 2024 đối mặt với nhiều khó khăn do tác động của tình hình kinh tế và chính trị toàn cầu. Giá nguyên liệu đầu vào như bột giấy và giấy tái chế thu hồi tăng, làm gia tăng chi phí sản xuất. Nhu cầu của thị trường cũng không ổn định, đặc biệt là sự suy giảm mạnh trong xuất khẩu, với thị trường Trung Quốc ghi nhận sự sụt giảm cả về số lượng lẫn giá bán đối với các mặt hàng giấy công nghiệp. Đồng thời, mặc dù đầu tư vào ngành giấy và bao bì carton tiếp tục tăng, nhưng điều này lại dẫn đến sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, khi tình trạng dư thừa công suất sản xuất càng làm gia tăng áp lực lên các doanh nghiệp trong ngành.

Trong bối cảnh đó, Đông Hải đã tiếp tục duy trì sự ổn định và đạt được kết quả tích cực. Doanh thu thuần của công ty đạt 3.596,5 tỷ đồng, vượt kế hoạch 9,68% và tăng trưởng 10,40% so với năm 2023. Điều này không chỉ phản ánh chiến lược kinh doanh linh hoạt và hiệu quả của công ty, mà còn thể hiện khả năng ứng phó với những biến động từ thị trường.

Đối với ngành giấy, mặc dù gặp phải những khó khăn lớn từ thị trường toàn cầu, trong đó giá nguyên liệu OCC tăng 15% và giá bán chỉ tăng khoảng 7%, Công ty vẫn hoàn thành kế hoạch xuất bán và duy trì mức tồn kho hợp lý. Cùng với đó, việc giá điện tăng 9,5% cũng dẫn đến gia tăng chi phí sản xuất, gây sức ép lên lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, Đông Hải đã chứng tỏ được năng lực quản lý chi phí và điều phối nguồn cung hiệu quả, cho phép công ty giữ vững thị phần trong bối cảnh dư thừa công suất và sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các nhà máy giấy mới. Việc ổn định chất lượng sản phẩm và khả năng kiểm soát chi phí là yếu tố then chốt giúp công ty duy trì được vị thế trên thị trường, bất chấp những yếu tố bất lợi từ thị trường nguyên liệu và chi phí sản xuất.

Đối với ngành bao bì, trong khi ngành công nghiệp bao bì carton trong nước ghi nhận mức tăng trưởng khoảng 10%, Đông Hải đã vượt qua mức tăng trưởng chung với tỷ lệ tăng trưởng doanh thu bán hàng bao bì đạt 12,9%. Sự tăng trưởng này không chỉ nhờ vào chiến lược đa dạng hóa ngành hàng, bao gồm các lĩnh vực thủy sản, thực phẩm, hàng tiêu dùng, nông sản và linh kiện điện tử, mà còn do sự chủ động nắm bắt xu hướng phát triển bền vững và sử dụng sản phẩm tái chế. Trong bối cảnh nhu cầu bao bì thân thiện với môi trường ngày càng tăng cao, Đông Hải đã tận dụng tối đa cơ hội phát triển trong ngành bao bì, giúp củng cố vị thế và gia tăng khả năng cạnh tranh.





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài sản

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu            | Năm 2023                 | Tỷ trọng 2023  | Năm 2024                 | Tỷ trọng 2024  | % 2024/2023    |
|---------------------|--------------------------|----------------|--------------------------|----------------|----------------|
| Tài sản ngắn hạn    | 1.785.334.756.725        | 61,24%         | 2.186.220.726.161        | 67,38%         | 122,45%        |
| Tài sản dài hạn     | 1.129.762.768.527        | 38,76%         | 1.058.436.914.942        | 32,62%         | 93,69%         |
| <b>Tổng tài sản</b> | <b>2.915.097.525.252</b> | <b>100,00%</b> | <b>3.244.657.641.103</b> | <b>100,00%</b> | <b>111,31%</b> |

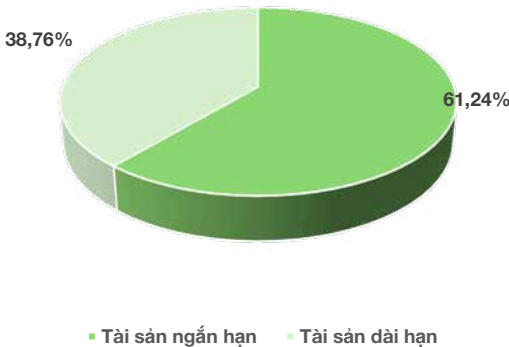
Tại ngày 31/12/2024, tổng tài sản đạt 3.245 tỷ đồng, tăng 11,31% so với cùng thời điểm năm 2023, chủ yếu nhờ sự gia tăng mạnh mẽ của tài sản ngắn hạn, chiếm 67,38% tổng tài sản, tăng từ 61,24% trong năm 2023. Hai khoản mục đáng chú ý trong tài sản ngắn hạn là tiền và các khoản tương đương tiền cùng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Các khoản tiền và các khoản tương đương tiền đã tăng mạnh từ 247 tỷ đồng lên 571 tỷ đồng, tăng 122,45%, việc gia tăng lượng tiền thanh khoản giúp công ty đối phó linh hoạt với các biến động thị trường, như thay đổi chi phí nguyên liệu OCC và tỷ giá USD/VND, đồng thời chuẩn bị tài chính cho các dự án lớn trong tương lai như nhà máy Giao Long 3, dự kiến khởi công vào năm 2025. Điều này không chỉ đảm bảo nguồn vốn cần thiết mà còn giúp tối ưu hóa chi phí lãi vay và giảm thiểu sự phụ thuộc vào nợ vay.

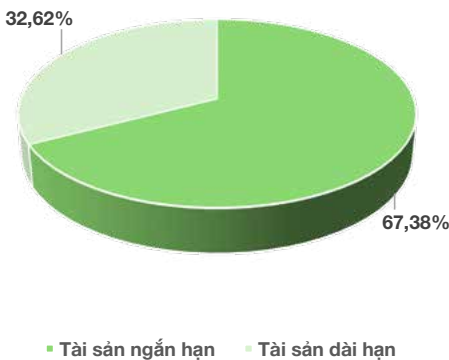
Cùng với đó, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng từ 101 tỷ đồng lên 334 tỷ đồng trong năm 2024, tăng 231,68%, các khoản đầu tư này giúp công ty duy trì khả năng thanh khoản nhanh chóng và tận dụng cơ hội từ các công cụ tài chính linh hoạt như tiền gửi kỳ hạn và trái phiếu có thời hạn dưới 1 năm. Hơn nữa, việc gia tăng các khoản đầu tư này cũng giúp Công ty giảm thiểu rủi ro từ biến động tỷ giá và lãi suất, đồng thời chuẩn bị tài chính cho các dự án mở rộng trong tương lai, đặc biệt là Dự án Nhà máy giấy mới.

Mặc dù tài sản dài hạn trong năm 2024 giảm nhẹ từ 1.130 tỷ đồng xuống 1.058 tỷ đồng, chiếm 32,62% tổng tài sản, điều này không phản ánh sự suy giảm về năng lực sản xuất hay chiến lược phát triển của Công ty. Thực tế, sự giảm sút này chủ yếu do giá trị tài sản cố định giảm khi công ty không đầu tư nhiều vào tài sản mới trong bối cảnh vẫn duy trì công suất hoạt động cao từ các nhà máy hiện tại, phù hợp trong bối cảnh tình trạng dư cung của ngành giấy và nhu cầu giấy đang phục hồi dần.

Tỷ trọng 2023



Tỷ trọng 2024





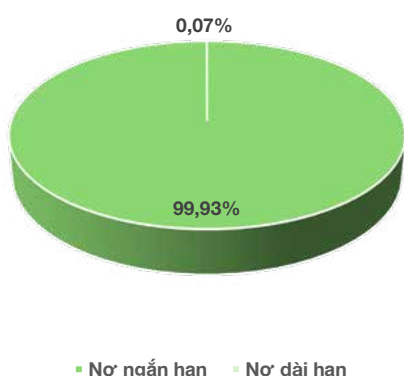
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu                | Năm 2023                 | Tỷ trọng<br>2023 | Năm 2024                 | Tỷ trọng<br>2024 | %<br>2024/2023 |
|-------------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|------------------|----------------|
| Nợ ngắn hạn             | 1.062.496.403.155        | 99,93%           | 1.236.078.204.990        | 99,56%           | 116,34%        |
| Nợ dài hạn              | 696.922.421              | 0,07%            | 5.500.000.000            | 0,44%            | 789,18%        |
| <b>Tổng nợ phải trả</b> | <b>1.063.193.325.576</b> | <b>100,00%</b>   | <b>1.241.578.204.990</b> | <b>100,00%</b>   | <b>116,78%</b> |

Tỷ trọng 2023



Tỷ trọng 2024



Năm 2024, tổng nợ phải trả của DHC đạt 1.242 tỷ đồng, tăng trưởng 116,78% so với năm 2023, trong đó nợ ngắn hạn đóng vai trò chủ đạo với giá trị 1.236 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn lên tới 99,56%. Giá trị của nợ ngắn hạn tăng 16,34%, từ mức 1.062 tỷ đồng năm 2023, phản ánh nhu cầu vốn lưu động ngày càng gia tăng, nhằm đáp ứng hoạt động sản xuất và mở rộng kinh doanh trong bối cảnh công ty đang tận dụng cơ hội từ sự phục hồi của ngành giấy bao bì, đặc biệt là gia tăng đơn hàng xuất khẩu nhờ sự khởi sắc của các ngành như dệt may, rau quả và thủy sản. Việc duy trì tỷ trọng nợ ngắn hạn cao cho thấy công ty vẫn ưu tiên huy động nguồn vốn nhanh chóng, linh hoạt để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên, nhằm đáp ứng nhu cầu biến động liên tục từ thị trường. Trong đó, khoản nợ phải trả người bán ngắn hạn tăng mạnh 34,52%, từ 302,9 tỷ đồng lên 407,5 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu của việc gia tăng này đến từ sự phục hồi mạnh mẽ trong hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu dự trữ nguyên vật liệu đầu vào cao hơn nhằm đáp ứng các đơn hàng gia tăng của ngành giấy bao bì, điều này đòi hỏi Công ty phải tăng cường mua sắm nguyên liệu OCC để duy trì sản xuất ổn định và tối ưu hóa hiệu suất nhà máy. Bên cạnh đó, Công ty đã gia tăng 61 tỷ đồng nợ vay ngắn hạn trong năm 2024, nhưng chi phí lãi vay chỉ ở mức 22,9 tỷ đồng, giảm mạnh 31% so với năm 2023, Công ty đã tận dụng hiệu quả mặt bằng lãi suất thấp để tối ưu hóa chi phí tài chính, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và lợi nhuận.

Đồng thời, nợ dài hạn mặc dù tăng mạnh tới 789,18% từ 696 triệu lên 5,5 tỷ đồng nhưng vẫn chiếm tỷ trọng rất nhỏ, chỉ chiếm 0,44% trong cơ cấu nợ phải trả, phản ánh chiến lược tài chính thận trọng của DHC khi chưa phụ thuộc nhiều vào vốn vay dài hạn, đồng thời giảm thiểu áp lực chi phí vốn cao khi phải huy động dài hạn. Trong tương lai gần, đặc biệt là khi triển khai Dự án Nhà máy giấy mới, Đông Hải sẽ tiếp tục điều chỉnh lại cơ cấu nợ theo hướng phù hợp với bối cảnh thị trường nhằm đảm bảo nguồn lực ổn định, giảm thiểu rủi ro thanh khoản, đồng thời tận dụng hiệu quả các cơ hội tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn.



# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

## Những tiến bộ đã đạt được

Năm 2024, sản phẩm Giấy Giao Long của Công ty đã đạt được danh hiệu “Sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia năm 2024”. Đồng thời, Công ty được vinh danh “Doanh nghiệp tiêu biểu” tỉnh Bến Tre năm 2024 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre trao tặng.

Trong năm, Công ty cũng đạt những tiến bộ trong quản trị, công nghệ và trách nhiệm xã hội. Về quản trị, Hội đồng quản trị tuân thủ quy định, thực hiện tốt công tác quản trị và công bố thông tin. Công ty duy trì và cải tiến hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO và ESG, đầu tư máy móc. Đồng thời, Công ty chăm lo đời sống người lao động, thực hiện trách nhiệm xã hội và có nhiều sáng kiến cải tiến.



## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre không ngừng nỗ lực cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững. Trong năm qua, Công ty đã có những cải tiến đáng chú ý về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý:

**Về quản trị công ty,** Hội đồng quản trị tiếp tục hoàn thiện các hoạt động quản trị, tăng cường đánh giá hoạt động của các thành viên và tìm kiếm đơn vị để triển khai phần mềm kế toán theo chuẩn mực quốc tế.

**Về sản xuất và quản lý,** Công ty thực hiện rà soát lại nhân sự để bố trí công việc phù hợp, xây dựng và kiểm soát định mức tiêu hao nguyên vật liệu, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra PCCC, an toàn lao động, trang bị bảo hộ lao động, an toàn hóa chất và vệ sinh 5S.

**Về kinh doanh và thị trường,** Công ty tập trung phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu, phát triển thêm khách hàng lớn, có chính sách bán hàng và thu hồi công nợ hiệu quả, đồng thời nắm bắt thông tin thị trường và tăng cường đánh giá nhà cung cấp.

**Về đầu tư và phát triển,** Công ty đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản để mở rộng sản xuất và phát triển sản phẩm mới, tìm kiếm địa điểm để di dời và đầu tư nhà máy bao bì mới, đồng thời xây dựng kế hoạch nhân sự kế thừa để đảm bảo nguồn nhân lực cho các kế hoạch phát triển.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

| Chỉ tiêu                                  | Đơn vị tính    | Kế hoạch năm 2025 |
|-------------------------------------------|----------------|-------------------|
| <b>I. Tổng Doanh thu</b>                  | <b>tỷ đồng</b> | <b>3.275</b>      |
| <b>1.Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre</b> | <b>tỷ đồng</b> | <b>2.925</b>      |
| + Nhà máy giấy Giao Long – PM1            | tỷ đồng        | 522               |
| + Nhà máy giấy Giao Long – PM2            | tỷ đồng        | 2.048             |
| + Nhà máy Bao bì                          | tỷ đồng        | 355               |
| <b>2.Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre</b>  | <b>tỷ đồng</b> | <b>350</b>        |
| <b>II.Lợi nhuận sau thuế</b>              | <b>tỷ đồng</b> | <b>242</b>        |



## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ban Tổng Giám đốc hoàn toàn đồng ý với những kết quả cũng như ý kiến của Kiểm toán viên. Ban Tổng Giám đốc cũng không có ý kiến giải trình thêm.



# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao những nỗ lực đáng kể của công ty trong việc thực hiện trách nhiệm môi trường. Công ty đã chủ động chuyển hướng sang các phương pháp sản xuất bền vững. Đặc biệt, Công ty đã lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường chi tiết, bao gồm các biện pháp phòng ngừa và ứng phó với cháy nổ, rò rỉ nguyên nhiên liệu, tràn đổ hóa chất và sự cố hệ thống xử lý nước thải. Ngoài ra, việc công ty triển khai dự án điện mặt trời là những bước tiến quan trọng hướng tới sản xuất xanh và bền vững. Việc duy trì hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018 và ISO 50001:2018 cũng được Công ty tiếp tục thực hiện, cho thấy cam kết cao trong việc quản lý và cải tiến liên tục. Nhìn chung, công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm môi trường, với điểm nổi bật là sự đầu tư vào hệ thống xử lý và ứng phó sự cố, cùng với việc quản lý nguyên liệu và năng lượng hiệu quả.





# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ban Tổng Giám đốc nhận xét rằng Công ty đã thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến trách nhiệm xã hội với cộng đồng địa phương. Các hoạt động từ thiện, hỗ trợ và tài trợ cho các gia đình gặp khó khăn không chỉ giúp Công ty tạo ra một hình ảnh tích cực mà còn chia sẻ những khó khăn với họ.



## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Ban Tổng Giám đốc nhận thấy rằng các hoạt động liên quan đến chính sách về lao động đã được thực hiện tốt. Công ty đã tạo điều kiện làm việc an toàn và môi trường lành mạnh cho các công nhân và nhân viên lao động. Chúng tôi đánh giá cao các hoạt động tuyển dụng của Công ty, đảm bảo đầy đủ các yếu tố cần thiết, các hoạt động đào tạo và bổ sung kiến thức cho người lao động được thực hiện đúng thời gian. Ngoài ra, các vấn đề liên quan đến quyền lợi như lương, thưởng, phúc lợi, chính sách lao động và bảo hiểm y tế cũng được chúng tôi đánh giá cao.





# CHƯƠNG 4

## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2024, tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn và tình hình chính trị thế giới có nhiều bất ổn, ảnh hưởng đến giá cả và vận chuyển hàng hóa. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị cùng tập thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre đã nỗ lực vượt qua khó khăn và phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả kinh doanh cụ thể, tổng doanh thu đạt 3.596,5 tỷ đồng, vượt 109,68% kế hoạch và tăng 110,36% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 242 tỷ đồng, giảm so với năm 2023 (đạt 309 tỷ đồng). Hội đồng quản trị đánh giá rằng Công ty đã nỗ lực nhằm duy trì sự ổn định và đạt được kết quả tích cực trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động và thách thức.

## Về trách nhiệm môi trường

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre luôn tuân thủ tốt pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty đã đầu tư và vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất và đạt tiêu chuẩn quốc tế. Công ty cũng thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, quản lý nguồn nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng và nước hiệu quả. Hội đồng quản trị đánh giá rằng các hoạt động liên quan đến môi trường của Công ty đều được thực hiện một cách hiệu quả, duy trì môi trường xanh, sạch và đẹp.

## Về trách nhiệm đối với người lao động

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre quan tâm và chăm lo cho đời sống của người lao động, xây dựng môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, đảm bảo các chế độ lương thưởng, phúc lợi và bảo hiểm. Hội đồng quản trị đánh giá cao các hoạt động tuyển dụng, đào tạo và bổ sung kiến thức cho người lao động, cũng như các chính sách liên quan đến quyền lợi của người lao động.

## Về trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre thực hiện tốt trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương. Công ty thực hiện các hoạt động từ thiện, hỗ trợ và tài trợ cho các gia đình và tổ chức gặp khó khăn. Hội đồng quản trị đánh giá cao những đóng góp này của Công ty.

## Về quản trị công ty

Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc công tác quản trị công ty theo đúng các quy định hiện hành, điều lệ và quy chế của công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị hành động vì quyền lợi của công ty và cổ đông, thực hiện công bố thông tin đầy đủ và kịp thời. Công ty đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ để giám sát các mặt hoạt động và đảm bảo tuân thủ quy định.



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công tác giám sát của HĐQT đối với hoạt động điều hành của Tổng giám đốc là hoạt động thường xuyên và liên tục. HĐQT tập trung giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, qui chế quản trị công ty đối với các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, giám sát các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra. Năm 2024 các mặt hoạt động công ty duy trì phát triển ổn định.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- HĐQT thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng, Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông công ty.
- HĐQT lãnh đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành, tạo mọi điều kiện tốt nhất để Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT đã đề ra.
- HĐQT sẽ tiếp tục hoàn thiện các hoạt động quản trị công ty. Theo đó, HĐQT sẽ đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo hướng chặt chẽ hơn, nhằm tăng cường vai trò và trách nhiệm của các thành viên.
- Tiếp tục phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định.





## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VÀ HÀNH ĐỘNG VÌ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty đã thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với phát triển bền vững thông qua việc triển khai toàn diện định hướng ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị) đến toàn thể cán bộ công nhân viên. Các chương trình đào tạo và hướng dẫn chi tiết đã được tổ chức nhằm nâng cao nhận thức và thúc đẩy thực hành ESG trong mọi hoạt động của công ty.

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện một bước tiến quan trọng trong hành trình giảm thiểu tác động đến môi trường. Việc hoàn thành báo cáo khí nhà kính theo quy định không chỉ là nghĩa vụ pháp lý, mà còn là nền tảng để Công ty phân tích sâu sắc và xây dựng chiến lược giảm phát thải hiệu quả. Với việc đầu tư vào dự án điện mặt trời với tổng công suất 3.373 kWp và một số dự án khác sẽ được triển khai trong thời gian tới, Công ty đang chuyển đổi mạnh mẽ sang sử dụng năng lượng tái tạo, góp phần giảm thiểu lượng khí thải carbon và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá.

Bên cạnh đó, việc duy trì và đạt được các chứng nhận ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018 và ISO 50001:2018 là minh chứng cho cam kết của Công ty trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, môi trường, an toàn lao động và quản lý năng lượng. Những chứng nhận này không chỉ nâng cao hiệu quả hoạt động, mà còn khẳng định trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng, xã hội.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị - Ban lãnh đạo Công ty sẽ tiếp tục có thêm nhiều kế hoạch và hành động thiết thực hơn nữa để hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Bởi với DHC, phát triển bền vững không chỉ là mục tiêu, mà còn là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Công ty.





# CHƯƠNG 5

## Quản trị Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty



GIAOLONG PAPER



# HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên HĐQT        | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT |                 |
|-----|------------------------|------------|-------------------------------------------|-----------------|
|     |                        |            | Ngày bổ nhiệm                             | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Ông Lương Văn Thành    | Chủ tịch   | 21/06/2014                                | -               |
| 2   | Ông Lê Bá Phương       | Phó CT     | 05/03/2004                                | -               |
| 3   | Ông Nguyễn Thanh Nghĩa | Thành viên | 26/04/2012                                | -               |
| 4   | Ông Marco Martinelli   | Thành viên | 26/06/2020                                | -               |
| 5   | Ông Dương Thành Công   | Thành viên | 17/06/2022                                | -               |

## Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên HĐQT        | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|------------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Ông Lương Văn Thành    | 12                       | 12/12             | -                       |
| 2   | Ông Lê Bá Phương       | 12                       | 12/12             | -                       |
| 3   | Ông Nguyễn Thanh Nghĩa | 12                       | 12/12             | -                       |
| 4   | Ông Marco Martinelli   | 12                       | 12/12             | -                       |
| 5   | Ông Dương Thành Công   | 12                       | 12/12             | -                       |





## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

### Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

| STT | Số Nghị quyết,<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                    | Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 01  | 01/NQ-HĐQT                   | 26/01/2024 | - Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4/2023, năm 2023 và mục tiêu Quý 1 năm 2024.                                                                | 100%               |
| 02  | 02/NQ-HĐQT                   | 26/01/2024 | - Thống nhất phê duyệt Tờ trình số 01/TT-HĐQT ngày 02/01/2024 về việc đề nghị đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/01/2024.                                               | 100%               |
| 03  | 03/NQ-HĐQT                   | 26/01/2024 | - Thống nhất phê duyệt danh sách đề nghị chi thưởng Ban điều hành công ty.<br>- Thống nhất phê duyệt danh sách đề nghị chi thưởng HĐQT & BKS.                               | 100%               |
| 04  | 04/NQ-HĐQT                   | 12/03/2024 | - Thống nhất chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.                                                                                        | 100%               |
| 05  | 05/NQ-HĐQT                   | 14/03/2024 | - Thống nhất thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.                                                                                               | 100%               |
| 06  | 06/NQ-HĐQT                   | 29/03/2024 | - Thống nhất phương án vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2024 tại Ngân hàng Citibank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.                    | 100%               |
| 07  | 07/NQ-HĐQT                   | 29/03/2024 | - Thống nhất các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.                                                                                                       | 100%               |
| 08  | 08/NQ-HĐQT                   | 29/03/2024 | - Thống nhất mức chi thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.                                                                                           | 100%               |
| 09  | 09/NQ-HĐQT                   | 22/04/2024 | - Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1 năm 2024 và mục tiêu kế hoạch Quý 2 năm 2024.                                                             | 100%               |
| 10  | 10/NQ-HĐQT                   | 22/04/2024 | - Thống nhất điều chỉnh các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.                                                                                            | 100%               |
| 11  | 11/NQ-HĐQT                   | 16/05/2024 | - Thống nhất chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.                                                                       | 100%               |
| 12  | 12/NQ-HĐQT                   | 16/05/2024 | - Thống nhất thông qua việc đầu tư góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Giấy Giao Long.                                                                                         | 100%               |
| 13  | 13/NQ-HĐQT                   | 16/05/2024 | - Thống nhất chọn Công ty Guang Dong Tai Yi Precision Machinery Co.,Ltd là đơn vị cung cấp máy in 06 màu cho Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre.                               | 100%               |
| 14  | 14/NQ-HĐQT                   | 16/05/2024 | - Thống nhất phương án vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2024 - 2025 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre. | 100%               |
| 15  | 15/NQ-HĐQT                   | 20/05/2024 | - Thống nhất chi cổ tức đợt cuối năm 2023 bằng tiền cho cổ đông.                                                                                                            | 100%               |
| 16  | 16/NQ-HĐQT                   | 12/07/2024 | -Thống nhất việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang                                                                                    | 100%               |
| 17  | 17/NQ-HĐQT                   | 24/07/2024 | - Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2 năm 2024 và mục tiêu kế hoạch Quý 3 năm 2024.                                                             | 100%               |



## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

### Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

| STT | Số Nghị quyết,<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                 | Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 18  | 18/NQ-HĐQT                   | 24/07/2024 | - Thống nhất việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.                                                                                                   | 100%               |
| 19  | 19/NQ-HĐQT                   | 24/07/2024 | - Phê duyệt việc sử dụng hạn mức tín dụng tổng hợp ngắn hạn và hạn mức mua bán ngoại tệ có kỳ hạn tại Ngân hàng Bangkok Đại Chúng Trách Nhiệm Hữu Hạn – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh. | 100%               |
| 20  | 20/NQ-HĐQT                   | 30/09/2024 | - Thống nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Đồng Hải Bến Tre với Công ty Cổ phần S&S Glove                                                                        | 100%               |
| 21  | 21/NQ-HĐQT                   | 23/10/2024 | - Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3 năm 2024 và mục tiêu kế hoạch Quý 4 năm 2024.                                                                          | 100%               |
| 22  | 22/NQ-HĐQT                   | 23/10/2024 | - Thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Giấy Giao Long.                                                                                                          | 100%               |
| 23  | 23/NQ-HĐQT                   | 11/12/2024 | - Thông qua việc mua cổ phần góp vốn vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long                                                                                                              | 100%               |

### Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Công tác giám sát của HĐQT đối với hoạt động điều hành của Tổng giám đốc là hoạt động thường xuyên và liên tục. HĐQT tập trung giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, qui chế quản trị công ty đối với các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, giám sát các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra. Năm 2024 các mặt hoạt động công ty duy trì phát triển ổn định.

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia đầy đủ các cuộc họp, giám sát, đánh giá các hoạt động của HĐQT, cho ý kiến biểu quyết về các vấn đề đưa ra và các đề xuất, kiến nghị để Công ty phát triển trong thời gian tới.

Ý kiến đánh giá:

- Hoạt động của Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng quy định pháp luật, điều lệ và đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.
- Các thành viên HĐQT luôn có tinh thần trách nhiệm cao với công việc, phấn đấu hoàn tốt thành nhiệm vụ được giao.

### Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có

### Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện nay công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.



# HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

## Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| STT | Thành viên BKS        | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS |                 |
|-----|-----------------------|------------|------------------------------------------|-----------------|
|     |                       |            | Ngày bổ nhiệm                            | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Bà Đoàn Thị Bích Thúy | Trưởng BKS | 20/05/2017                               | -               |
| 2   | Bà Đoàn Hồng Lan      | Thành viên | 26/04/2012                               | -               |
| 3   | Ông Nguyễn Quốc Bình  | Thành viên | 17/06/2022                               | -               |

## Các cuộc họp của Ban kiểm soát

| STT | Thành viên BKS        | Chức vụ    | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ biểu quyết | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------------|------------|-------------------------|------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Bà Đoàn Thị Bích Thúy | Trưởng BKS | 03                      | 03/03            | 100%              |                         |
| 2   | Bà Đoàn Hồng Lan      | Thành viên | 03                      | 03/03            | 100%              |                         |
| 3   | Ông Nguyễn Quốc Bình  | Thành viên | 03                      | 03/03            | 100%              |                         |

## Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định Điều lệ tổ chức. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- HĐQT đã ban hành Nghị quyết và các Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng điều lệ Công ty và pháp luật quy định.
- Đối với cổ đông, BKS thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định Điều lệ tổ chức. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- HĐQT đã ban hành Nghị quyết và các Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng điều lệ Công ty và pháp luật quy định.
- Đối với cổ đông, BKS thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### Hoạt động khác của BKS (nếu có)

Không có



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

| Tên                      | Chức vụ                          | Thù lao 2024<br>(đồng) | Tiền lương,<br>thưởng 2024<br>(đồng) | Tổng cộng<br>(đồng) |
|--------------------------|----------------------------------|------------------------|--------------------------------------|---------------------|
| <b>Hội đồng quản trị</b> |                                  |                        |                                      |                     |
| Ông Lương Văn Thành      | Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc | 150.000.000            | 1.285.372.265                        | 1.435.372.265       |
| Ông Lê Bá Phương         | Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám Đốc | 138.000.000            | 1.803.180.800                        | 1.941.180.800       |
| Ông Nguyễn Thanh Nghĩa   | Thành viên HĐQT                  | 132.000.000            | 591.829.038                          | 723.829.038         |
| Ông Marco Martinelli     | Thành viên HĐQT                  | 132.000.000            | 160.000.000                          | 292.000.000         |
| Ông Dương Thành Công     | Thành viên HĐQT                  | 132.000.000            | 160.000.000                          | 292.000.000         |
| <b>Ban kiểm soát</b>     |                                  |                        |                                      |                     |
| Bà Đoàn Thị Bích Thúy    | Trưởng BKS                       | 108.000.000            | -                                    | 108.000.000         |
| Bà Đoàn Hồng Lan         | Thành viên BKS                   | 74.000.000             | 147.496.892                          | 221.496.892         |
| Ông Nguyễn Quốc Bình     | Thành viên BKS                   | 74.000.000             | -                                    | 74.000.000          |
| <b>Ban điều hành</b>     |                                  |                        |                                      |                     |
| Ông Lê Bá Phương         | Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám Đốc | Đã nêu ở trên          |                                      |                     |
| Ông Lương Văn Thành      | Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc | Đã nêu ở trên          |                                      |                     |
| Bà Hồ Thị Song Ngọc      | Phó Tổng Giám Đốc                | -                      | 1.118.844.347                        | 1.118.844.347       |
| Bà Nguyễn Hồng Thanh     | Kế toán trưởng                   | -                      | 779.671.898                          | 779.671.898         |



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ trong năm 2024

| STT | Người thực hiện       | Quan hệ với người nội bộ                        | Số hữu đầu kỳ |        | Số hữu cuối kỳ |        | Lý do tăng, giảm |
|-----|-----------------------|-------------------------------------------------|---------------|--------|----------------|--------|------------------|
|     |                       |                                                 | Số cổ phiếu   | Tỷ lệ  | Số cổ phiếu    | Tỷ lệ  |                  |
| 01  | Lương Văn Thành       | CT. HĐQT/ PTGD                                  | 4.561.471     | 5,67%  | 3.061.417      | 3,8%   | Bán              |
| 02  | Lê Bá Phương          | PCT. HĐQT/ TGD                                  | 7.015.008     | 8,72%  | 7.515.008      | 9,34%  | Mua              |
| 03  | Nguyễn Thị Thủy       | Người có liên quan của Ông Lê Bá Phương         | 5.491.248     | 6,82%  | 5.689.448      | 7,07%  | Mua/Bán          |
| 04  | Lê Bá Hùng            | Người có liên quan của Ông Lê Bá Phương         | 429.740       | 0,53%  | 707.040        | 0,88%  | Mua              |
| 05  | Nguyễn Thanh Nghĩa    | Thành viên HĐQT                                 | 10.877.019    | 13,51% | 1.761.900      | 2,19%  | Bán              |
| 06  | Dương Thành Công      | Thành viên HĐQT                                 | 904.250       | 1,12%  | 1.254.250      | 1,56%  | Mua              |
| 07  | Dương Thanh Sang      | Người có liên quan của ông Dương Thành Công     | 770.500       | 0,96%  | 0              | 0,00%  | Bán              |
| 08  | Lê Minh Thanh         | Người có liên quan của bà Đoàn Hồng Lan         | 24.462        | 0,03%  | 21.462         | 0,03%  | Bán              |
| 09  | Đoàn Thị Minh Thi     | Người có liên quan của bà Đoàn Hồng Lan         | 0             | 0,00%  | 400            | 0,00%  | Mua              |
| 10  | Nguyễn Quốc Bình      | Thành viên BKS                                  | 798.348       | 0,99%  | 900.348        | 1,12%  | Mua              |
| 11  | Ngô Thị Thu Hòe       | Người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Bình     | 113.850       | 0,14%  | 192.050        | 0,24%  | Mua              |
| 12  | Hồ Thị Song Ngọc      | Phó Tổng Giám Đốc                               | 276.011       | 0,34%  | 103.511        | 0,13%  | Bán              |
| 13  | Hồ Phương Hải         | Người có liên quan của bà Hồ Thị Song Ngọc      | 7.070         | 0,008% | 5.570          | 0,007% | Bán              |
| 14  | Nguyễn Thị Ngọc Sương | Trưởng Ban Kiểm Toán Nội Bộ                     | 4.355         | 0,005% | 4.455          | 0,006% | Mua              |
| 15  | Nguyễn Trường Thịnh   | Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Ngọc Sương | 87.700        | 0,11%  | 100.000        | 0,12%  | Mua              |
| 16  | Nguyễn Ngọc Tố Uyên   | Người phụ trách quản trị                        | 22.402        | 0,028% | 14.490         | 0,018% | Bán              |



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

**Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty, hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ**

| STT | Tên Tổ chức/ cá nhân                          | Mối quan hệ liên quan với Công ty                      | Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH                           | Thời điểm giao dịch với công ty | Số nghị quyết/ quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua            | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch                                                                                                                            |
|-----|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long            | Công ty liên kết                                       | 1300990134<br>12/08/2015<br>Sở KH và ĐT tỉnh Bến Tre         | Năm 2024                        | 25/NQ-HĐQT<br>ngày 29/12/2023                                  | <ul style="list-style-type: none"><li>Thuê dịch vụ vận chuyển: 48.228.756.386 đồng</li><li>Thuê bãi: 5.730.000.000 đồng</li><li>Góp vốn: 2.600.000.000 đồng</li></ul> |
| 02  | Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre               | Công ty con                                            | 1301091115<br>28/04/2020<br>Sở KH và ĐT tỉnh Bến Tre         | Năm 2024                        | 24/NQ-HĐQT<br>ngày 29/12/2023                                  | <ul style="list-style-type: none"><li>Bán giấy cuộn: 61.919.606.825 đồng</li><li>Mua giấy vụn + ống lõi, màng PE: 20.174.179.090 đồng</li></ul>                       |
| 03  | Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng Lượng Thành Công | Tổ chức có liên quan của người nội bộ Dương Thành Công | 1301033794<br>13/07/2017<br>Sở KH và ĐT tỉnh Bến Tre         | Năm 2024                        | 26/NQ-HĐQT<br>ngày 29/12/2023                                  | <ul style="list-style-type: none"><li>Mua hơi: 250.179.602.300 đồng</li><li>Mua điện: 130.731.607.788 đồng</li></ul>                                                  |
| 04  | Công ty Cổ phần S&S Glove                     | Tổ chức có liên quan của người nội bộ Dương Thành Công | 3502451442<br>06/04/2021<br>Sở KH và ĐT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu | Năm 2024                        | 20/NQ-HĐQT<br>ngày 30/09/2024                                  | <ul style="list-style-type: none"><li>Mua giấy vụn: 65.772.000 đồng</li></ul>                                                                                         |
| 05  | Công ty Cổ phần Giấy Giao Long                | Công ty con                                            | 1301117885<br>22/10/2024<br>Sở KH và ĐT tỉnh Bến Tre         | Năm 2024                        | 12/NQ-HĐQT<br>ngày 16/05/2024<br>22/NQ-HĐQT<br>ngày 23/10/2024 | <ul style="list-style-type: none"><li>Mua cổ phần: 176.968.000.000 đồng</li><li>Nhận chuyển nhượng cổ phần: 4.373.600.000 đồng</li></ul>                              |



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

## Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát

| Stt | Người thực hiện giao dịch                     | Quan hệ với người nội bộ                                 | Chức vụ tại CTNY | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Thời điểm giao dịch                                                |
|-----|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 01  | Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng Lượng Thành Công | Tổ chức có liên quan của người nội bộ Dương Thành Công   | Thành viên HĐQT  | Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre                      | Năm 2024            | • Mua hơi: 3.135.949.000 đồng                                      |
| 02  | Cty TNHH MTV SX Và Đầu Tư Thép An Bình        | Tổ chức có liên quan của người nội bộ Nguyễn Thanh Nghĩa | Thành viên HĐQT  | Công ty Cổ phần Giấy Giao Long                       | Năm 2024            | • Mua thép: 27.920.454.881 đồng<br>• Bán thép: 18.968.867.500 đồng |

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây

Giao dịch với Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng Lượng Thành Công - Tổ chức có liên quan của người nội bộ Dương Thành Công .

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành

Giao dịch với Công ty Cổ phần S&S Glove - Tổ chức có liên quan của người nội bộ Dương Thành Công .

Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành

Không có

## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

- Tuân thủ quy định: Công ty thực hiện công tác quản trị theo đúng quy định pháp luật, điều lệ và quy chế của công ty.
- Hành động vì quyền lợi cổ đông: Các thành viên Hội đồng quản trị hành động vì quyền lợi của công ty và cổ đông, thực hiện công bố thông tin đầy đủ và kịp thời.
- Giám sát và điều hành: Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo tuân thủ các quy định và chỉ tiêu kế hoạch.
- Cải tiến quản trị: Công ty không ngừng cải tiến các hoạt động quản trị, bao gồm đánh giá hoạt động của các thành viên và tìm kiếm giải pháp công nghệ để nâng cao hiệu quả.



# CHƯƠNG 6

## Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



GIAOLONG PAPER

Lưu ý: Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty được đăng tải tại Website của Công ty tại đường Link: <https://dohacobentre.com.vn/> (Mục “QUAN HỆ CỔ ĐÔNG”)



# Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)



Ernst & Young Vietnam Limited  
20th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Fax: +84 28 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 12120343/67724059/FN-HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)



## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hồ Khánh Tân  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3458-2025-004-1

Phạm Xuân Tuân  
Kiểm Toán Viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4639-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025



# Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

| Mã số | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|-------|----------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100   | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>2.186.220.726.161</b> | <b>1.785.334.756.725</b> |
| 110   | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | 4           | <b>570.814.931.920</b>   | <b>247.229.229.877</b>   |
| 111   | 1. Tiền                                      |             | 207.064.931.920          | 215.229.229.877          |
| 112   | 2. Các khoản tương đương tiền                |             | 363.750.000.000          | 32.000.000.000           |
| 120   | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         |             | <b>334.182.014.034</b>   | <b>101.169.764.590</b>   |
| 123   | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 5           | 334.182.014.034          | 101.169.764.590          |
| 130   | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |             | <b>745.215.196.499</b>   | <b>893.954.809.426</b>   |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 6           | 671.199.741.767          | 631.927.963.492          |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 7           | 44.405.606.151           | 266.274.176.350          |
| 135   | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 8           | 30.000.000.000           | -                        |
| 136   | 4. Phải thu ngắn hạn khác                    | 9           | 9.762.421.776            | 4.644.158.040            |
| 137   | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 6           | (10.152.573.195)         | (8.891.488.456)          |
| 140   | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      |             | <b>524.454.388.269</b>   | <b>504.234.805.104</b>   |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                              | 10          | 524.454.388.269          | 504.234.805.104          |
| 150   | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              |             | <b>11.554.195.439</b>    | <b>38.746.147.728</b>    |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 11          | 11.538.135.227           | 16.299.921.157           |
| 152   | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       |             | 16.060.212               | 22.446.226.571           |
| 200   | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    |             | <b>1.058.436.914.942</b> | <b>1.129.762.768.527</b> |
| 210   | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         |             | <b>2.568.680.000</b>     | <b>4.735.030.000</b>     |
| 211   | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng           | 6           | 2.568.680.000            | 4.735.030.000            |
| 220   | <b>II. Tài sản cố định</b>                   |             | <b>994.380.127.838</b>   | <b>1.041.688.114.149</b> |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 12          | 993.394.405.723          | 1.041.460.816.284        |
| 222   | Nguyên giá                                   |             | 1.751.562.621.587        | 1.696.609.188.119        |
| 223   | Giá trị khấu hao lũy kế                      |             | (758.168.215.864)        | (655.148.371.835)        |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình                   | 13          | 985.722.115              | 227.297.865              |
| 228   | Nguyên giá                                   |             | 1.994.334.250            | 1.044.334.250            |
| 229   | Giá trị hao mòn lũy kế                       |             | (1.008.612.135)          | (817.036.385)            |
| 240   | <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>          |             | <b>16.734.250.000</b>    | <b>45.594.858.239</b>    |
| 242   | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 14          | 16.734.250.000           | 45.594.858.239           |
| 250   | <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>          |             | <b>5.525.747.382</b>     | <b>6.879.002.167</b>     |
| 252   | 1. Đầu tư vào công ty liên kết               | 15          | 5.525.747.382            | 6.879.002.167            |
| 260   | <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>               |             | <b>39.228.109.722</b>    | <b>30.865.763.972</b>    |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 11          | 38.999.929.713           | 30.865.763.972           |
| 262   | 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại            | 30.3        | 228.180.009              | -                        |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     |             | <b>3.244.657.641.103</b> | <b>2.915.097.525.252</b> |



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN                                                     | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|-------|---------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300   | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                         |             | <b>1.241.578.204.990</b> | <b>1.063.193.325.576</b> |
| 310   | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                         |             | <b>1.236.078.204.990</b> | <b>1.062.496.403.155</b> |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 16          | 407.508.643.348          | 302.930.877.621          |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          | 17          | 15.829.091.096           | 7.254.770.614            |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 18          | 10.863.755.657           | 7.495.706.917            |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                                    |             | 23.123.450.343           | 21.336.041.087           |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 19          | 9.713.222.819            | 13.299.520.347           |
| 318   | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                          |             | 109.090.909              | 109.090.909              |
| 319   | 7. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 20          | 3.204.978.686            | 4.922.019.115            |
| 320   | 8. Vay ngắn hạn                                               | 22          | 762.873.933.477          | 701.771.824.278          |
| 322   | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                  | 21          | 2.852.038.655            | 3.376.552.267            |
| 330   | <b>II. Nợ dài hạn</b>                                         |             | <b>5.500.000.000</b>     | <b>696.922.421</b>       |
| 338   | 1. Vay dài hạn                                                | 22          | 5.500.000.000            | -                        |
| 341   | 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                            | 30.3        | -                        | 696.922.421              |
| 400   | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      |             | <b>2.003.079.436.113</b> | <b>1.851.904.199.676</b> |
| 410   | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | 23          | <b>2.003.079.436.113</b> | <b>1.851.904.199.676</b> |
| 411   | 1. Vốn cổ phần                                                |             | 804.930.480.000          | 804.930.480.000          |
| 411a  | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      |             | 804.930.480.000          | 804.930.480.000          |
| 412   | 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       |             | 235.247.935.803          | 235.247.935.803          |
| 418   | 3. Quỹ đầu tư phát triển                                      |             | 117.344.180.651          | 101.877.261.214          |
| 421   | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          |             | 843.427.493.301          | 706.824.522.659          |
| 421a  | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước |             | 601.677.787.447          | 397.478.133.920          |
| 421b  | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   |             | 241.749.705.854          | 309.346.388.739          |
| 429   | 5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                            |             | 2.129.346.358            | 3.024.000.000            |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                    |             | <b>3.244.657.641.103</b> | <b>2.915.097.525.252</b> |

Phạm Thị Minh Phụng  
Người lập

Nguyễn Hồng Thanh  
Kế toán trưởng



Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Lê Bá Phương  
Tổng Giám đốc



# Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-DN/HN

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                 | Thuyết minh | Năm nay             | Năm trước           |
|-------|----------------------------------------------------------|-------------|---------------------|---------------------|
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng                                    | 24.1        | 3.597.426.318.483   | 3.261.255.035.745   |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                          | 24.1        | (919.173.754)       | (2.346.494.143)     |
| 10    | 3. Doanh thu thuần từ bán hàng                           | 24.1        | 3.596.507.144.729   | 3.258.908.541.602   |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                                      | 25          | (3.170.476.832.202) | (2.755.379.718.199) |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng                             |             | 426.030.312.527     | 503.528.823.403     |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                         | 24.2        | 34.469.814.218      | 29.113.353.819      |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                                     | 26          | (38.593.394.632)    | (38.098.931.655)    |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                                |             | (22.885.715.787)    | (33.205.155.630)    |
| 24    | 8. Phần lãi trong công ty liên kết                       | 15          | 1.636.745.215       | 1.894.842.717       |
| 25    | 9. Chi phí bán hàng                                      | 27          | (112.803.009.661)   | (108.078.537.833)   |
| 26    | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 27          | (39.651.125.697)    | (37.809.201.984)    |
| 30    | 11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                    |             | 271.089.341.970     | 350.550.348.467     |
| 31    | 12. Thu nhập khác                                        | 28          | 8.274.184.800       | 7.856.443.647       |
| 32    | 13. Chi phí khác                                         |             | (140.725.777)       | (308.737.825)       |
| 40    | 14. Lợi nhuận khác                                       |             | 8.133.459.023       | 7.547.705.822       |
| 50    | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                    |             | 279.222.800.993     | 358.098.054.289     |
| 51    | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                          | 30.1        | (37.951.251.211)    | (47.428.673.145)    |
| 52    | 17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại                          | 30.3        | 925.102.430         | (1.330.992.405)     |
| 60    | 18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN                        |             | 242.196.652.212     | 309.338.388.739     |
| 61    | 19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ      |             | 242.066.983.472     | 309.338.388.739     |
| 62    | 20. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát |             | 129.668.740         | -                   |
| 70    | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                             | 23.4        | 2.947               | 3.729               |
| 71    | 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                           | 23.4        | 2.947               | 3.729               |

Phạm Thị Minh Phụng  
Người lập

Nguyễn Hồng Thanh  
Kế toán trưởng



Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Lê Bá Phương  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (TIẾP THEO)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

| Mã số     | KHOẢN MỤC                                                                                  | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước                |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>01</b> | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                          |             |                          |                          |
|           | <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                                                        |             | <b>279.222.800.993</b>   | <b>358.098.054.289</b>   |
|           | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>                                                           |             |                          |                          |
| 02        | Khấu hao và hao mòn                                                                        | 12, 13      | 105.032.042.879          | 102.294.331.979          |
| 03        | Dự phòng                                                                                   |             | 1.261.084.739            | 1.264.224.273            |
| 04        | Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ |             | 1.546.836.746            | (940.110.734)            |
| 05        | Lãi từ hoạt động đầu tư                                                                    |             | (20.103.276.128)         | (7.571.592.919)          |
| 06        | Chi phí lãi vay                                                                            | 26          | 22.885.715.787           | 33.205.155.630           |
| <b>08</b> | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                       |             | <b>389.845.205.016</b>   | <b>486.350.062.518</b>   |
| 09        | Giảm (tăng) các khoản phải thu                                                             |             | 204.548.456.023          | (101.742.431.863)        |
| 10        | Giảm hàng tồn kho                                                                          |             | 24.376.234.328           | 124.480.391.503          |
| 11        | Tăng (giảm) các khoản phải trả                                                             |             | 107.109.956.161          | (160.869.294.155)        |
| 12        | Tăng chi phí trả trước                                                                     |             | (3.372.379.811)          | (10.208.813.986)         |
| 14        | Tiền lãi vay đã trả                                                                        |             | (23.102.846.855)         | (31.946.803.123)         |
| 15        | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                          | 18          | (33.440.678.188)         | (57.165.628.867)         |
| 17        | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                     |             | (9.809.781.387)          | (7.658.569.399)          |
| <b>20</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       |             | <b>656.154.165.287</b>   | <b>241.238.912.628</b>   |
|           | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                             |             |                          |                          |
| 21        | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định                                              |             | (70.637.675.722)         | (88.084.006.924)         |
| 22        | Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định                                                       |             | 347.954.545              | 343.364.855              |
| 23        | Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, mua công cụ nợ của đơn vị khác                               |             | (387.012.249.444)        | (102.710.547.945)        |
| 24        | Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn                                                            |             | 124.000.000.000          | 20.642.869.051           |
| 25        | Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác                                                        |             | (6.973.600.000)          | -                        |
| 27        | Tiền thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia                                       |             | 18.565.242.894           | 4.412.595.230            |
| <b>30</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>                                  |             | <b>(321.710.327.727)</b> | <b>(165.395.725.733)</b> |
|           | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                         |             |                          |                          |
| 31        | Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát                                            |             | 3.032.000.000            | 32.000.000               |
| 33        | Tiền thu từ đi vay                                                                         | 22          | 1.706.317.193.531        | 1.539.961.428.933        |
| 34        | Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                    | 22          | (1.639.715.084.332)      | (1.356.552.904.851)      |
| 36        | Cổ tức đã trả                                                                              | 23.2        | (80.493.048.000)         | (201.232.620.000)        |
| <b>40</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>                               |             | <b>(10.858.938.801)</b>  | <b>(17.792.095.918)</b>  |



## Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

| Mã số | KHOẢN MỤC                                           | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|-------|-----------------------------------------------------|-------------|-----------------|-----------------|
| 50    | Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm |             | 323.584.898.759 | 58.051.090.977  |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu năm                    |             | 247.229.229.877 | 189.178.341.116 |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái              |             | 803.284         | (202.216)       |
| 70    | Tiền và tương đương tiền cuối năm                   | 4           | 570.814.931.920 | 247.229.229.877 |

Phạm Thị Minh Phụng  
Người lập

Nguyễn Hồng Thanh  
Kế toán trưởng



Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Lê Bá Phương  
Tổng Giám đốc



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là DHC theo Quyết định số 58/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 714 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 693).

#### Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

| Tên công ty                                                             | Lĩnh vực<br>kinh doanh                              | Tình trạng<br>hoạt động | Tỷ lệ sở hữu và<br>quyền biểu quyết |                   |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|-------------------|
|                                                                         |                                                     |                         | Số cuối năm<br>(%)                  | Số đầu năm<br>(%) |
| Công ty con                                                             |                                                     |                         |                                     |                   |
| (1) Công ty TNHH Một Thành<br>Viên Bao bì Bến Tre<br>("Bao Bì Bến Tre") | Sản xuất và kinh<br>doanh bao bì carton             | Đang<br>hoạt động       | 100,00                              | 100,00            |
| (2) Công ty Cổ phần Giấy<br>Giao Long                                   | Sản xuất và kinh<br>doanh bột giấy, giấy<br>và bìa  | Đang<br>hoạt động       | 99,42                               | 98,32             |
| Công ty liên kết                                                        |                                                     |                         |                                     |                   |
| (1) Công ty Cổ phần Tân<br>Cảng Giao Long<br>("Tân Cảng Giao Long")     | Cung cấp dịch vụ<br>khai thác cảng và<br>vận chuyển | Đang<br>hoạt động       | 26,00                               | 26,00             |



# Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

### 2.3 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

|                                                    |                                                                                                                                                                          |
|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên vật liệu, phụ tùng và hàng hóa              | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.                                                                                                                  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



# Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                          |            |
|--------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 35 năm |
| Máy móc và thiết bị      | 3 - 20 năm |
| Phương tiện vận chuyển   | 5 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng       | 5 - 8 năm  |
| Phần mềm vi tính         | 5 năm      |
| Tài sản khác             | 8 năm      |



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

### 3.9 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

### 3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### 3.11 *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

### 3.12 *Các khoản đầu tư*

#### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.



# Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.15 *Vốn góp của chủ sở hữu*

#### *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

### 3.16 *Phân phối lợi nhuận thuần*

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

#### ► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

#### ► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### ► *Cổ tức*

Cổ tức công bố bằng tiền được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt về chủ trương và được Hội đồng Quản trị Công ty tiến hành thực hiện.

Cổ tức công bố bằng cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất khi Nhóm Công ty hoàn thành đầy đủ các thủ tục pháp lý theo quy định hiện hành.

### 3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

#### *Doanh thu cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### *Doanh thu từ tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



# Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.18 Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải nộp hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

### 3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                | VND                    |                        |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Tiền mặt tại quỹ               | 151.954.100            | 296.902.700            |
| Tiền gửi ngân hàng             | 206.912.977.820        | 214.932.327.177        |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 363.750.000.000        | 32.000.000.000         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>570.814.931.920</b> | <b>247.229.229.877</b> |

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất áp dụng.



# Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

|                         | VND                    |                        |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
|                         | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Trái phiếu (*)          | 85.000.000.000         | 15.000.000.000         |
| Tiền gửi có kỳ hạn (**) | 249.182.014.034        | 86.169.764.590         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>        | <b>334.182.014.034</b> | <b>101.169.764.590</b> |

(\*) Số dư trình bày khoản đầu tư vào trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt có kỳ hạn gốc một (1) năm và hưởng lãi suất dao động từ 8% đến 8,3%/năm.

(\*\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với thời hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại không quá một năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất áp dụng.

Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn trị giá 11.000.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 22).

## 6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

|                                                          | VND                    |                        |
|----------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                          | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| <b>Ngắn hạn</b>                                          |                        |                        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Quốc tế Hoàng Long | 74.385.857.411         | 62.812.118.891         |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Hảo             | 70.977.941.064         | 65.020.074.192         |
| Khác                                                     | 525.835.943.292        | 504.095.770.409        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                         | <b>671.199.741.767</b> | <b>631.927.963.492</b> |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                       | (10.152.573.195)       | (8.891.488.456)        |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                                     | <b>661.047.168.572</b> | <b>623.036.475.036</b> |

### Dài hạn

|                                      |                      |                      |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH T&V Coconut             | 1.510.300.000        | 2.905.900.000        |
| Công ty TNHH MTV Vận tải Trúc Lan Vy | 1.058.380.000        | 1.829.130.000        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                     | <b>2.568.680.000</b> | <b>4.735.030.000</b> |

(\*) Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 22).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

|                              | VND              |                 |
|------------------------------|------------------|-----------------|
|                              | Năm nay          | Năm trước       |
| Số đầu năm                   | (8.891.488.456)  | (7.627.264.183) |
| Dự phòng trích lập trong năm | (2.374.006.862)  | (1.457.263.030) |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | 1.112.922.123    | 193.038.757     |
| Số cuối năm                  | (10.152.573.195) | (8.891.488.456) |



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                                                       | VND                   |                        |
|-------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                                       | Số cuối năm           | Số đầu năm             |
| Trả trước cho nhà cung cấp                            | 11.368.483.117        | 200.532.633.681        |
| - Công ty TNHH Xây dựng Nhà Lê Nguyên                 | 5.000.000.000         | -                      |
| - Công ty TNHH MTV Sản xuất và Đầu tư Đức Long        | -                     | 65.325.367.977         |
| - Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Bất động sản Thiên Lộc | -                     | 27.375.000.000         |
| - Khác                                                | 6.368.483.117         | 107.832.265.704        |
| Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)       | 33.037.123.034        | 65.741.542.669         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                      | <b>44.405.606.151</b> | <b>266.274.176.350</b> |

### 8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

|                                                       | VND                   |            |
|-------------------------------------------------------|-----------------------|------------|
|                                                       | Số cuối năm           | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại N.I.D.         | 20.000.000.000        | -          |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Việt Xanh QN | 10.000.000.000        | -          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                      | <b>30.000.000.000</b> | <b>-</b>   |

Đây là các khoản cho nhà cung cấp vay để đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị với kỳ hạn một (1) năm, hưởng lãi suất từ 6% đến 8%/năm và có tài sản đảm bảo là nhà xưởng, máy móc thiết bị thuộc sở hữu của các nhà cung cấp này.

### 9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

|                                               | VND                  |                      |
|-----------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                               | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| Lãi tiền gửi                                  | 4.758.566.751        | 2.136.565.877        |
| Góp vốn vào công ty liên kết                  | 2.600.000.000        | -                    |
| Tạm ứng nhân viên                             | 2.007.915.300        | 1.444.584.763        |
| Khác                                          | 395.939.725          | 1.063.007.400        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                              | <b>9.762.421.776</b> | <b>4.644.158.040</b> |
| Trong đó                                      |                      |                      |
| Phải thu từ bên khác                          | 7.162.421.776        | 4.644.158.040        |
| Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 31) | 2.600.000.000        | -                    |



## Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 10. HÀNG TỒN KHO

|                                     | VND                    |                        |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                     | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Hàng mua đang đi đường              | 195.437.969.814        | 89.339.030.898         |
| Nguyên vật liệu                     | 145.396.618.873        | 247.231.288.446        |
| Phụ tùng                            | 107.105.022.279        | 109.851.356.201        |
| Thành phẩm                          | 75.982.679.908         | 57.346.172.573         |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 394.438.955            | 319.326.759            |
| Công cụ, dụng cụ                    | 137.658.440            | 147.630.227            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>524.454.388.269</b> | <b>504.234.805.104</b> |

(\*) Nhóm Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 22).

### 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

|                   | VND                   |                       |
|-------------------|-----------------------|-----------------------|
|                   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| <b>Ngắn hạn</b>   | <b>11.538.135.227</b> | <b>16.299.921.157</b> |
| Công cụ, dụng cụ  | 7.436.898.660         | 8.054.048.254         |
| Hợp đồng bảo hiểm | 1.717.703.186         | 1.452.345.587         |
| Chi phí sửa chữa  | 947.742.614           | 6.675.147.913         |
| Khác              | 1.435.790.767         | 118.379.403           |
| <b>Dài hạn</b>    | <b>38.999.929.713</b> | <b>30.865.763.972</b> |
| Công cụ, dụng cụ  | 27.025.022.840        | 21.965.537.466        |
| Chi phí sửa chữa  | 8.864.546.775         | 5.083.667.630         |
| Tiền thuê đất (*) | 2.927.511.048         | 3.016.673.820         |
| Khác              | 182.849.050           | 799.885.056           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>50.538.064.940</b> | <b>47.165.685.129</b> |

(\*) Quyền sử dụng đất có liên quan đã được Nhóm Công ty thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh 22).



BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                                         | Máy móc và<br>thiết bị | Nhà cửa và<br>vật kiến trúc | Phương tiện<br>vận chuyển | Thiết bị<br>văn phòng | Khác          | Tổng cộng         |
|-----------------------------------------|------------------------|-----------------------------|---------------------------|-----------------------|---------------|-------------------|
|                                         |                        |                             |                           |                       |               | VND               |
| Nguyên giá:                             |                        |                             |                           |                       |               |                   |
| Số đầu năm                              | 1.154.709.852.505      | 460.290.639.580             | 68.755.995.859            | 12.436.200.675        | 416.499.500   | 1.696.609.188.119 |
| Mua mới                                 | 4.527.000.000          | -                           | 7.971.072.727             | 180.100.000           | -             | 12.678.172.727    |
| Đầu tư xây dựng cơ bản<br>hoàn thành    | 30.528.550.136         | 13.646.001.105              | -                         | -                     | -             | 44.174.551.241    |
| Thanh lý, xóa sổ                        | (50.000.000)           | (239.027.119)               | (1.266.663.636)           | (343.599.745)         | -             | (1.899.290.500)   |
| Số cuối năm                             | 1.189.715.402.641      | 473.697.613.566             | 75.460.404.950            | 12.272.700.930        | 416.499.500   | 1.751.562.621.587 |
| Trong đó:                               |                        |                             |                           |                       |               |                   |
| Đã khấu hao hết                         | 194.543.191.501        | 25.182.180.069              | 17.577.431.052            | 3.282.480.272         | 193.710.000   | 240.778.992.894   |
| Giá trị khấu hao lũy kế:                |                        |                             |                           |                       |               |                   |
| Số đầu năm                              | (460.629.237.717)      | (147.124.957.486)           | (39.687.407.734)          | (7.447.951.698)       | (258.817.200) | (655.148.371.835) |
| Khấu hao trong năm                      | (69.287.832.549)       | (25.807.423.565)            | (7.880.204.202)           | (1.827.773.633)       | (37.233.180)  | (104.840.467.129) |
| Thanh lý, xóa sổ                        | 50.000.000             | 239.027.119                 | 1.266.663.636             | 264.932.345           | -             | 1.820.623.100     |
| Số cuối năm                             | (529.867.070.266)      | (172.693.353.932)           | (46.300.948.300)          | (9.010.792.986)       | (296.050.380) | (758.168.215.864) |
| Giá trị còn lại:                        |                        |                             |                           |                       |               |                   |
| Số đầu năm                              | 694.080.614.788        | 313.165.682.094             | 29.068.588.125            | 4.988.248.977         | 157.682.300   | 1.041.460.816.284 |
| Số cuối năm                             | 659.848.332.375        | 301.004.259.634             | 29.159.456.650            | 3.261.907.944         | 120.449.120   | 993.394.405.723   |
| Trong đó:                               |                        |                             |                           |                       |               |                   |
| Tài sản thế chấp<br>(Thuyết minh số 22) | 548.520.546.317        | 279.756.523.727             | 273.933.345               | 2.206.837.864         | -             | 830.757.841.253   |



## Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

|                                | VND                     |               |                 |
|--------------------------------|-------------------------|---------------|-----------------|
|                                | Phần mềm<br>máy vi tính | Khác          | Tổng cộng       |
| <b>Nguyên giá:</b>             |                         |               |                 |
| Số đầu năm                     | 232.602.450             | 811.731.800   | 1.044.334.250   |
| Mua mới                        | -                       | 950.000.000   | 950.000.000     |
| Số cuối năm                    | 232.602.450             | 1.761.731.800 | 1.994.334.250   |
| <b>Trong đó:</b>               |                         |               |                 |
| Đã hao mòn hết                 | 82.602.450              | 616.731.800   | 699.334.250     |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b> |                         |               |                 |
| Số đầu năm                     | (130.273.810)           | (686.762.575) | (817.036.385)   |
| Hao mòn trong năm              | (30.082.272)            | (161.493.478) | (191.575.750)   |
| Số cuối năm                    | (160.356.082)           | (848.256.053) | (1.008.612.135) |
| <b>Giá trị còn lại:</b>        |                         |               |                 |
| Số đầu năm                     | 102.328.640             | 124.969.225   | 227.297.865     |
| Số cuối năm                    | 72.246.368              | 913.475.747   | 985.722.115     |

### 14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

|                                              | VND                   |                       |
|----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                              | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| Máy móc, thiết bị                            | 16.734.250.000        | -                     |
| Chi phí xây dựng và cải tạo các nhà máy giấy | -                     | 44.595.817.493        |
| Khác                                         | -                     | 999.040.746           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                             | <b>16.734.250.000</b> | <b>45.594.858.239</b> |

### 15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

|                    | Số cuối năm            |                | Số đầu năm             |                |
|--------------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
|                    | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>(%) | Giá gốc<br>VND | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>(%) | Giá gốc<br>VND |
| Tân Cảng Giao Long | 26,00                  | 5.525.747.382  | 26,00                  | 6.879.002.167  |



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

VND

#### Giá trị đầu tư:

|                        |               |
|------------------------|---------------|
| Số đầu năm và cuối năm | 2.600.000.000 |
|------------------------|---------------|

#### Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:

|                              |                 |
|------------------------------|-----------------|
| Số đầu năm                   | 4.279.002.167   |
| Phần lãi từ công ty liên kết | 1.636.745.215   |
| Cổ tức được chia             | (2.990.000.000) |
| Số cuối năm                  | 2.925.747.382   |

#### Giá trị còn lại:

|             |               |
|-------------|---------------|
| Số đầu năm  | 6.879.002.167 |
| Số cuối năm | 5.525.747.382 |

### 16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

|                                                    | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|----------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả cho người bán                             | 393.515.202.348        | 296.272.510.806        |
| - Vipa Lausanne SA                                 | 124.040.592.874        | 56.976.894.915         |
| - Khác                                             | 269.474.609.474        | 239.295.615.891        |
| Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31) | 13.993.441.000         | 6.658.366.815          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                   | <b>407.508.643.348</b> | <b>302.930.877.621</b> |

### 17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

|                                                     | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|-----------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Jinhong Industrial (Hong Kong) Co., Ltd             | 5.513.520.612         | -                    |
| Taicang Lingbo Paper Co., Ltd                       | 4.490.691.096         | 2.552.549.646        |
| Jiangsu Wuyang Group Co., Ltd                       | 2.993.850.862         | -                    |
| Zhejiang Wuyi Zhangshi Packaging Industry Co., Ltd. | 2.175.906.885         | -                    |
| Xiamen Gulong Development Co., Ltd                  | -                     | 3.476.356.380        |
| Khác                                                | 655.121.641           | 1.225.864.588        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                    | <b>15.829.091.096</b> | <b>7.254.770.614</b> |



## Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

|                                     | VND                  |                        |                          |                       |
|-------------------------------------|----------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|
|                                     | Số đầu năm           | Tăng trong năm         | Giảm trong năm           | Số cuối năm           |
| <b>Phải thu</b>                     |                      |                        |                          |                       |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 22.446.226.571       | 249.118.638.439        | (271.548.804.798)        | 16.060.212            |
| <b>Phải trả</b>                     |                      |                        |                          |                       |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp          | 4.429.838.774        | 37.951.251.211         | (33.440.678.188)         | 8.940.411.797         |
| Thuế giá trị gia tăng               | 406.786.901          | 288.565.107.936        | (287.372.942.279)        | 1.598.952.558         |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu            | -                    | 95.756.227.584         | (95.756.227.584)         | -                     |
| Thuế thu nhập cá nhân               | 2.659.081.242        | 9.076.003.790          | (11.410.693.730)         | 324.391.302           |
| Thuế nhập khẩu                      | -                    | 382.253.739            | (382.253.739)            | -                     |
| Khác                                | -                    | 940.604.585            | (940.604.585)            | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>7.495.706.917</b> | <b>432.671.448.845</b> | <b>(429.303.400.105)</b> | <b>10.863.755.657</b> |

### 19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

|                   | VND                  |                       |
|-------------------|----------------------|-----------------------|
|                   | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
| Chi phí hoạt động | 8.167.038.517        | 11.652.715.390        |
| Chi phí lãi vay   | 1.041.221.439        | 1.258.352.507         |
| Khác              | 504.962.863          | 388.452.450           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>9.713.222.819</b> | <b>13.299.520.347</b> |

### 20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

|                                               | ND                   |                      |
|-----------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                               | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| Hoa hồng môi giới                             | 1.317.584.232        | 3.079.247.610        |
| Thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát | 409.217.287          | 507.717.287          |
| Khác                                          | 1.478.177.167        | 1.335.054.218        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                              | <b>3.204.978.686</b> | <b>4.922.019.115</b> |

### 21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

|                                   | VND                  |                      |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                   | Năm nay              | Năm trước            |
| Số đầu năm                        | 3.376.552.267        | 3.445.949.978        |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi   | 6.186.767.775        | 7.589.171.688        |
| Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi | (6.711.281.387)      | (7.658.569.399)      |
| <b>Số cuối năm</b>                | <b>2.852.038.655</b> | <b>3.376.552.267</b> |



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VAY**

|                                        | Số đầu năm             | Phát sinh tăng           | Phát sinh giảm             | Phân loại lại          | VND<br>Số cuối năm     |
|----------------------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                        | <b>701.771.824.278</b> | <b>1.698.317.193.531</b> | <b>(1.639.215.084.332)</b> | <b>2.000.000.000</b>   | <b>762.873.933.477</b> |
| Vay ngân hàng ngắn hạn (i)             |                        |                          |                            |                        |                        |
| Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (ii) | 701.771.824.278        | 1.698.317.193.531        | (1.639.215.084.332)        | -                      | 760.873.933.477        |
|                                        | -                      | -                        | -                          | 2.000.000.000          | 2.000.000.000          |
| <b>Dài hạn</b>                         | <b>-</b>               | <b>8.000.000.000</b>     | <b>(500.000.000)</b>       | <b>(2.000.000.000)</b> | <b>5.500.000.000</b>   |
| Vay ngân hàng dài hạn (ii)             | -                      | 8.000.000.000            | (500.000.000)              | (2.000.000.000)        | 5.500.000.000          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                       | <b>701.771.824.278</b> | <b>1.706.317.193.531</b> | <b>(1.639.715.084.332)</b> | <b>-</b>               | <b>768.373.933.477</b> |

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

| Ngân hàng                                                        | Số cuối năm<br>VND     | Ngày đáo hạn                                            | Lãi suất<br>%/năm | Hình thức đảm bảo<br>Thuyết minh số 5, 6, 10, 11 và 12                                                                                                                                         |
|------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang      | 413.796.248.557        | Từ ngày 3 tháng 1 năm 2025 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025 | 3,0 - 4,6         | Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị thuộc Nhà máy Giao Long 2, máy in màu, hệ thống máy xeo và hệ thống xử lý bột nhà máy Giao Long 1.<br>Tiền gửi có kỳ hạn giá trị 10.000.000.000 VND |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre | 227.858.615.489        | Từ ngày 24 tháng 1 năm 2025 đến ngày 3 tháng 6 năm 2025 | 3,2 - 4,6         | Tiền gửi có kỳ hạn giá trị 1.000.000.000 VND, hàng tồn kho; máy móc thiết bị và phương tiện vận tải                                                                                            |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre          | 98.796.353.975         | Từ ngày 7 tháng 1 năm 2025 đến ngày 5 tháng 5 năm 2025  | 3,0 - 3,9         | Các khoản phải thu với giá trị 200.000.000.000 VND                                                                                                                                             |
| Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)                    | 22.422.715.456         | Ngày 14 tháng 5 năm 2025                                | 3,8               | Khoản phải thu từ Công ty TNHH Box - Pak Việt Nam và các khoản phải thu khác với giá trị 400.000.000.000 VND.                                                                                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                 | <b>762.873.933.477</b> |                                                         |                   |                                                                                                                                                                                                |



# Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. VAY (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng để đầu tư máy móc thiết bị của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

| Ngân hàng                                                        | Số cuối năm   | Ngày đáo hạn                                                | Lãi suất<br>%/năm | Hình thức đảm bảo<br>Thuyết minh số 12 |
|------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------|
|                                                                  | VND           |                                                             |                   |                                        |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre | 7.500.000.000 | Từ ngày 25 tháng 3 năm 2025<br>đến ngày 28 tháng 9 năm 2028 | 5,7               | Máy móc, thiết bị                      |
| Trong đó:                                                        |               |                                                             |                   |                                        |
| Vay dài hạn                                                      | 5.500.000.000 |                                                             |                   |                                        |
| Vay dài hạn đến hạn trả                                          | 2.000.000.000 |                                                             |                   |                                        |



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**23.1 Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu**

|                                             | Vốn cổ phần     | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | VND               |
|---------------------------------------------|-----------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-------------------|
| <b>Năm trước</b>                            |                 |                      |                       |                                   |                                 |                   |
| Số đầu năm                                  | 699.944.230.000 | 235.247.935.803      | 82.904.331.993        | 730.259.104.829                   | 3.000.000.000                   | 1.751.355.602.625 |
| Lợi nhuận thuần trong năm                   | -               | -                    | -                     | 309.338.388.739                   | -                               | 309.338.388.739   |
| Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức            | 104.986.250.000 | -                    | -                     | (104.986.250.000)                 | -                               | -                 |
| Cổ tức                                      | -               | -                    | -                     | (201.232.620.000)                 | -                               | (201.232.620.000) |
| Trích quỹ đầu tư phát triển                 | -               | -                    | 18.972.929.221        | (18.972.929.221)                  | -                               | -                 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi             | -               | -                    | -                     | (7.589.171.688)                   | -                               | (7.589.171.688)   |
| Góp vốn                                     | -               | -                    | -                     | -                                 | 32.000.000                      | 32.000.000        |
| Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con     | -               | -                    | -                     | 8.000.000                         | (8.000.000)                     | -                 |
| Số cuối năm                                 | 804.930.480.000 | 235.247.935.803      | 101.877.261.214       | 706.824.522.659                   | 3.024.000.000                   | 1.851.904.199.676 |
| <b>Năm nay</b>                              |                 |                      |                       |                                   |                                 |                   |
| Số đầu năm                                  | 804.930.480.000 | 235.247.935.803      | 101.877.261.214       | 706.824.522.659                   | 3.024.000.000                   | 1.851.904.199.676 |
| Lợi nhuận thuần trong năm                   | -               | -                    | -                     | 242.066.983.472                   | 129.668.740                     | 242.196.652.212   |
| Cổ tức (Thuyết minh số 23.2)                | -               | -                    | -                     | (80.493.048.000)                  | -                               | (80.493.048.000)  |
| Góp vốn                                     | -               | -                    | -                     | -                                 | 3.032.000.000                   | 3.032.000.000     |
| Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát | -               | -                    | -                     | (317.277.618)                     | (4.056.322.382)                 | (4.373.600.000)   |
| Trích quỹ đầu tư phát triển (*)             | -               | -                    | 15.466.919.437        | (15.466.919.437)                  | -                               | -                 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)         | -               | -                    | -                     | (6.186.767.775)                   | -                               | (6.186.767.775)   |
| Thường HĐQT, BKS và ban điều hành (*)       | -               | -                    | -                     | (3.000.000.000)                   | -                               | (3.000.000.000)   |
| Số cuối năm                                 | 804.930.480.000 | 235.247.935.803      | 117.344.180.651       | 843.427.493.301                   | 2.129.346.358                   | 2.003.079.436.113 |



## Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 23.1 Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, cổ đông của Công ty đã thông qua mức trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi thường lệ HĐQT, BKS, Ban điều hành với số tiền lần lượt là 15.466.919.437 VND, 6.186.767.775 VND và 3.000.000.000 VND.

#### 23.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

VND

|                                  | Năm nay          | Năm trước         |
|----------------------------------|------------------|-------------------|
| <b>Vốn cổ phần</b>               |                  |                   |
| Vốn cổ phần đầu năm              | 804.930.480.000  | 699.944.230.000   |
| Phát hành cổ phiếu               | -                | 104.986.250.000   |
| Vốn cổ phần cuối năm             | 804.930.480.000  | 804.930.480.000   |
| <b>Cổ tức</b>                    |                  |                   |
| Cổ tức đã công bố (*)            | 160.986.096.000  | 225.731.206.500   |
| Cổ tức đã trả bằng tiền (*)      | (80.493.048.000) | (201.232.620.000) |
| - Cổ tức năm 2023 bằng tiền      | (80.493.048.000) | (80.493.048.000)  |
| - Cổ tức năm 2022 bằng tiền      | -                | (120.739.572.000) |
| Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức | -                | (104.986.250.000) |

(\*) Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 đã phê duyệt việc trả cổ tức năm 2023 bằng tiền tại mức 20% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023, với tổng giá trị là 160.986.096.000 VND.

Trong năm 2024, Công ty đã trả cổ tức đợt cuối của năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị là 80.493.048.000 VND, theo Nghị quyết HĐQT số 15/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 5 năm 2024. Ngoài ra, Công ty đã hoàn thành tạm ứng cổ tức đợt 1 của năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông với tổng giá trị là 80.493.048.000 VND trong năm 2023.

#### 23.3 Cổ phiếu

|                              | Số lượng cổ phiếu |            |
|------------------------------|-------------------|------------|
|                              | Số cuối năm       | Số đầu năm |
| Cổ phiếu được phép phát hành | 80.493.048        | 80.493.048 |
| Cổ phiếu đã phát hành        |                   |            |
| Cổ phiếu phổ thông           | 80.493.048        | 80.493.048 |
| Cổ phiếu đang lưu hành       |                   |            |
| Cổ phiếu phổ thông           | 80.493.048        | 80.493.048 |

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 23.4 Lãi trên cổ phiếu

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

|                                                                                                                                      | Năm nay                | Năm trước<br>(trình bày lại) | Năm trước<br>(trình bày trước đây) |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------------|------------------------------------|
| Lợi nhuận thuần sau thuế<br>phân bổ cho cổ đông sở hữu<br>cổ phiếu phổ thông (VND)                                                   | 242.066.983.472        | 309.338.388.739              | 309.338.388.739                    |
| Điều chỉnh giảm các khoản<br>trích quỹ khen thưởng, phúc<br>lợi (i)                                                                  | (4.841.339.669)        | (9.186.767.775)              | (6.186.767.775)                    |
| <b>Lợi nhuận thuần sau thuế<br/>phân bổ cho cổ đông sở<br/>hữu cổ phiếu phổ thông để<br/>tính lãi cơ bản trên cổ<br/>phiếu (VND)</b> | <b>237.225.643.803</b> | <b>300.151.620.964</b>       | <b>303.151.620.964</b>             |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông<br>lưu hành bình quân trong<br>năm (cổ phiếu)                                                            | 80.493.048             | 80.493.048                   | 80.493.048                         |
| <b>Lãi trên cổ phiếu</b>                                                                                                             |                        |                              |                                    |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu<br>(VND/cổ phiếu)                                                                                           | 2.947                  | 3.729                        | 3.766                              |
| Lãi suy giảm trên cổ<br>phiếu (VND/cổ phiếu)                                                                                         | 2.947                  | 3.729                        | 3.766                              |

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 để phản ánh khoản thực trích các quỹ từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-HĐQCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2024 đã được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế của năm 2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.



## Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 24. DOANH THU

#### 24.1 Doanh thu bán hàng

|                                                        | Năm nay                  | VND<br>Năm trước         |
|--------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Doanh thu</b>                                       | <b>3.597.426.318.483</b> | <b>3.261.255.035.745</b> |
| Trong đó:                                              |                          |                          |
| Doanh thu bán thành phẩm                               | 3.424.816.885.517        | 3.248.916.380.991        |
| Doanh thu bán hàng hóa                                 | 172.463.978.421          | 12.193.200.209           |
| Doanh thu khác                                         | 145.454.545              | 145.454.545              |
| <b>Các khoản giảm trừ</b>                              | <b>(919.173.754)</b>     | <b>(2.346.494.143)</b>   |
| Trong đó:                                              |                          |                          |
| Chiết khấu thương mại                                  | (802.202.514)            | (582.802.378)            |
| Giảm giá hàng bán                                      | (16.032.380)             | (714.823.445)            |
| Hàng bán bị trả lại                                    | (100.938.860)            | (1.048.868.320)          |
| <b>Doanh thu thuần</b>                                 | <b>3.596.507.144.729</b> | <b>3.258.908.541.602</b> |
| Trong đó:                                              |                          |                          |
| Doanh thu bán thành phẩm                               | 3.423.897.711.763        | 3.246.569.886.848        |
| Doanh thu bán hàng hóa                                 | 172.463.978.421          | 12.193.200.209           |
| Doanh thu khác                                         | 145.454.545              | 145.454.545              |
| Trong đó:                                              |                          |                          |
| Doanh thu đối với bên khác                             | 3.577.538.277.229        | 3.258.908.541.602        |
| Doanh thu đối với bên liên quan<br>(Thuyết minh số 31) | 18.968.867.500           | -                        |

#### 24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

|                         | Năm nay               | VND<br>Năm trước      |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi và cho vay | 18.197.243.768        | 5.797.097.489         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá   | 11.516.091.108        | 12.389.568.975        |
| Lãi ứng vốn             | 4.297.464.940         | 10.719.935.940        |
| Khác                    | 459.014.402           | 206.751.415           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>        | <b>34.469.814.218</b> | <b>29.113.353.819</b> |

### 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

|                           | Năm nay                  | VND<br>Năm trước         |
|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn thành phẩm đã bán | 3.006.782.396.112        | 2.745.293.423.308        |
| Giá vốn hàng hóa đã bán   | 163.694.436.090          | 10.086.294.891           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>          | <b>3.170.476.832.202</b> | <b>2.755.379.718.199</b> |



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|                      | VND                   |                       |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                      | Năm nay               | Năm trước             |
| Chi phí lãi vay      | 22.885.715.787        | 33.205.155.630        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 15.707.678.845        | 4.893.776.025         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>     | <b>38.593.394.632</b> | <b>38.098.931.655</b> |

### 27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

|                                     | VND                    |                        |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                     | Năm nay                | Năm trước              |
| <b>Chi phí bán hàng</b>             | <b>112.803.009.661</b> | <b>108.078.537.833</b> |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài           | 83.492.609.287         | 79.022.769.491         |
| Chi phí nhân viên                   | 20.545.944.784         | 18.849.098.677         |
| Chi phí vật liệu                    | 4.596.363.875          | 5.208.932.041          |
| Chi phí khấu hao và hao mòn         | 737.898.741            | 1.054.853.264          |
| Khác                                | 3.430.192.974          | 3.942.884.360          |
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b> | <b>39.651.125.697</b>  | <b>37.809.201.984</b>  |
| Chi phí nhân viên                   | 15.622.900.297         | 13.567.822.414         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài (*)       | 13.080.641.613         | 13.619.912.109         |
| Chi phí khấu hao và hao mòn         | 2.944.026.655          | 2.379.924.460          |
| Dự phòng phải thu khó đòi           | 1.261.084.739          | 885.883.674            |
| Khác                                | 6.742.472.393          | 7.355.659.327          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>152.454.135.358</b> | <b>145.887.739.817</b> |

(\*) Trong đây bao gồm chi phí dịch vụ chuyên nghiệp phát sinh trong năm nay và năm trước như sau:

|                                                                    | VND                |                    |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                                                    | Năm nay            | Năm trước          |
| Phí kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Nhóm Công ty | 260.000.000        | 250.000.000        |
| Các loại phí dịch vụ bảo đảm khác của Công ty và các công con      | 305.000.000        | 245.000.000        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                   | <b>565.000.000</b> | <b>495.000.000</b> |

### 28. THU NHẬP KHÁC

|                                 | VND                  |                      |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                 | Năm nay              | Năm trước            |
| Thu nhập từ bồi thường hợp đồng | 7.510.569.909        | 7.856.443.647        |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định | 269.287.145          | -                    |
| Khác                            | 494.327.746          | -                    |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                | <b>8.274.184.800</b> | <b>7.856.443.647</b> |



## Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

|                                                          | VND                      |                          |
|----------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                          | Năm nay                  | Năm trước                |
| Chi phí nguyên vật liệu                                  | 2.295.155.259.083        | 1.843.506.326.078        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                | 665.852.141.285          | 687.587.964.511          |
| Chi phí nhân viên                                        | 181.202.331.119          | 166.374.973.781          |
| Chi phí khấu hao và hao mòn<br>(Thuyết minh số 12 và 13) | 105.032.042.879          | 102.294.331.979          |
| Khác                                                     | 74.513.440.486           | 72.865.213.391           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                         | <b>3.321.755.214.852</b> | <b>2.872.628.809.740</b> |

### 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Dự án đầu tư mở rộng của Công ty: Công ty được miễn hai năm thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án nhà máy giấy Giao Long Giai đoạn 2 kể từ khi có thu nhập tính thuế (2020 - 2021) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho bốn (4) năm tiếp theo (2022 - 2025).

Bao Bì Bến Tre: Công ty này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo.

Giấy Giao Long: Công ty này được ưu đãi thuế từ năm bắt đầu có doanh thu từ dự án đầu tư, áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 17% trong thời gian 10 năm, miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2024-2025) và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo (2025-2028).

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 30.1 Chi phí thuế TNDN

|                                                                   | VND                   |                       |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                   | Năm nay               | Năm trước             |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                                       | 37.799.783.891        | 47.147.958.315        |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu<br>trong những năm trước | 151.467.320           | 280.714.830           |
|                                                                   | 37.951.251.211        | 47.428.673.145        |
| (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại                             | (925.102.430)         | 1.330.992.405         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                  | <b>37.026.148.781</b> | <b>48.759.665.550</b> |

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 30.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

|                                                                | VND                    |                        |
|----------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                | Năm nay                | Năm trước              |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                       | <b>279.222.800.993</b> | <b>358.098.054.289</b> |
| Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng                               | 55.844.560.199         | 71.619.610.858         |
| <i>Các khoản điều chỉnh:</i>                                   |                        |                        |
| Chi phí không được trừ                                         | 792.707.821            | 704.001.195            |
| Lãi từ công ty liên kết                                        | (327.349.043)          | (378.968.543)          |
| Chuyển lỗ tại công ty con                                      | (884.940.858)          | (223.948.776)          |
| Thuế TNDN được miễn/giảm                                       | (18.550.296.658)       | (23.241.744.014)       |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước | 151.467.320            | 280.714.830            |
| <b>Chi phí thuế TNDN</b>                                       | <b>37.026.148.781</b>  | <b>48.759.665.550</b>  |

### 30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### 30.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm này và năm trước như sau:

|                                                                 | VND                           |                      |                                               |                        |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------|------------------------|
|                                                                 | Bảng cân đối kế toán hợp nhất |                      | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất |                        |
|                                                                 | Số cuối năm                   | Số đầu năm           | Năm nay                                       | Năm trước              |
| Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện                                 | 228.180.009                   | 274.832.140          | (46.652.131)                                  | (359.237.844)          |
| Dự phòng                                                        | -                             | (971.754.561)        | 971.754.561                                   | (971.754.561)          |
| <b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại (Thuế TNDN hoãn lại phải trả)</b> | <b>228.180.009</b>            | <b>(696.922.421)</b> |                                               |                        |
| <b>Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại</b>                    |                               |                      | <b>925.102.430</b>                            | <b>(1.330.992.405)</b> |



# Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có phát sinh nghiệp vụ với công ty trong năm như sau:

| Bên liên quan                                                           | Mối quan hệ                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Tân Cảng Giao Long                                                      | Công ty liên kết                                                         |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất và Đầu tư Thép An Bình ("Thép An Bình")       | Công ty có người đại diện pháp luật là bên liên quan của thành viên HĐQT |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công ("Năng Lượng Thành Công") | Công ty cùng thành viên HĐQT                                             |

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm này và năm trước bao gồm:

| Bên liên quan         | Giao dịch    | Năm nay         | Năm trước       |
|-----------------------|--------------|-----------------|-----------------|
| Năng Lượng Thành Công | Mua hơi      | 253.315.551.300 | 291.051.119.000 |
|                       | Mua điện     | 130.731.607.788 | 77.729.434.235  |
| Tân Cảng Giao Long    | Mua dịch vụ  | 48.228.756.386  | 39.033.607.640  |
|                       | Phí thuê bãi | 5.730.000.000   | 7.025.000.000   |
|                       | Góp vốn      | 2.600.000.000   | -               |
| Thép An Bình          | Mua hàng hóa | 27.920.454.881  | -               |
|                       | Bán hàng hóa | 18.968.867.500  | -               |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan                           | Giao dịch               | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn khác</b>           |                         |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long      | Góp vốn                 | 2.600.000.000         | -                     |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>      |                         |                       |                       |
| Tân Cảng Giao Long                      | Mua dịch vụ và thuê bãi | 13.717.387.600        | 6.350.826.015         |
| Năng Lượng Thành Công                   | Mua hơi và điện         | 276.053.400           | 307.540.800           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                        |                         | <b>13.993.441.000</b> | <b>6.658.366.815</b>  |
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b> |                         |                       |                       |
| Năng Lượng Thành Công                   | Mua hơi                 | 33.037.123.034        | 35.029.042.669        |
| Thép An Bình                            | Mua thép                | -                     | 30.712.500.000        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                        |                         | <b>33.037.123.034</b> | <b>65.741.542.669</b> |



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

| Tên                    | Chức vụ                                 | Thu nhập (*)         |                      | VND |
|------------------------|-----------------------------------------|----------------------|----------------------|-----|
|                        |                                         | Năm nay              | Năm trước            |     |
| Ông Lê Bá Phương       | Phó Chủ tịch HĐQT/<br>Tổng Giám Đốc     | 1.941.180.800        | 1.697.538.898        |     |
| Ông Lương Văn Thành    | Chủ tịch HĐQT/<br>Phó Tổng Giám Đốc     | 1.435.372.265        | 1.323.942.484        |     |
| Bà Hồ Thị Song Ngọc    | Phó Tổng Giám Đốc/<br>Giám Đốc          | 1.118.844.347        | 1.215.065.211        |     |
| Ông Nguyễn Thanh Nghĩa | Thành viên không<br>điều hành           | 723.829.038          | 99.000.000           |     |
| Ông Marco Martinelli   | Thành viên độc lập<br>- không điều hành | 292.000.000          | 99.000.000           |     |
| Ông Dương Thành Công   | Thành viên không<br>điều hành           | 292.000.000          | 99.000.000           |     |
| Bà Đoàn Thị Bích Thúy  | Trưởng BKS                              | 108.000.000          | 58.000.000           |     |
| Bà Đoàn Hồng Lan       | Thành viên BKS                          | 221.496.892          | 188.786.815          |     |
| Ông Nguyễn Quốc Bình   | Thành viên BKS                          | 74.000.000           | 43.500.000           |     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>       |                                         | <b>6.206.723.342</b> | <b>4.823.833.408</b> |     |

(\*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

### 32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

|                    | VND                   |                       |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
|                    | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| Dưới 1 năm         | 3.888.857.779         | 7.202.487.557         |
| Từ 1 năm đến 5 năm | 3.675.431.116         | 10.487.307.561        |
| Trên 5 năm         | 22.862.660.407        | 26.060.670.004        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>30.426.949.302</b> | <b>43.750.465.122</b> |

### 33. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

|                | Số cuối năm |                      | Số đầu năm |                      |
|----------------|-------------|----------------------|------------|----------------------|
|                | Nguyên tệ   | Tương đương VND      | Nguyên tệ  | Tương đương VND      |
| Euro (EUR)     | 48,56       | 1.268.065            | 69,46      | 1.831.671            |
| Đô la Mỹ (USD) | 218.174,52  | 5.509.124.805        | 90.020,08  | 2.167.683.526        |
|                |             | <b>5.510.392.870</b> |            | <b>2.169.515.197</b> |



## Báo cáo tài chính (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 17 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị quyết HĐQT số 08/NQ-HĐQT về việc chia tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông và với tổng giá trị là 80.493.048.000 VND, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Phạm Thị Minh Phụng  
Người lập

Nguyễn Hồng Thanh  
Kế toán trưởng



Lê Bá Phương  
Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

Bến Tre, Ngày 07 tháng 04 năm 2025

Người đại diện theo pháp luật  
Tổng Giám đốc



LÊ BÁ PHƯƠNG

